CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
VIETFRACHT

NGUYỄN SINH TOÀN

Digitally signed by NGUYỄN SINH TOÀN
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Hai Bà Trưng, ou=Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu, title=VN, cn=NGUYỄN SINH TOÀN, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:010621892
Date: 2017.04.20 14:43:24 +07'00'

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

www.vietfracht.com.vn

MỤC LỤC
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 2

Các mốc lịch sử quan trọng 4

Tổng quan Công ty năm 2016 5
Báo cáo của HĐQT 8
Báo cáo của Ban Giám đốc 14
Báo cáo của Ban Kiểm soát 23

Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán 28
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 29
Báo cáo của Kiểm toán viên 31
Bảng cân đối kế toán 33
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 35
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 36
Thuyết minh báo cáo tài chính 37

Cơ cấu lãnh đạo Công ty 2016 63
Thành viên HĐQT, BKS, BĐH

Sơ đồ tổ chức của Công ty 2016 70

Các Doanh nghiệp và Đối tác 72
Các Cty góp vốn và có vốn góp
Các thành viên góp vốn sáng lập
Tình hình tài chính Công ty

Các đơn vị thành viên 76

TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

"Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành Công ty kinh doanh đa lĩnh vực nhưng xoay quanh cốt lõi là nghiệp vụ hàng hải, với mục tiêu hàng đầu là hiệu quả và chất lượng dịch vụ. Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo, đổi mới trong phát triển kinh doanh, hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt nhất, nhằm không ngừng tăng trưởng giá trị cổ phiếu cho cổ đông. Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo cho mọi thành viên nhằm đưa lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần".

Thông điệp

Chủ Tịch HĐQT - Bà Nguyễn Thị Phượng

Kính thưa các Quý cổ đông,

Thị trường toàn cầu năm 2016 có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan, thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu, kinh tế thế giới phục hồi chậm và chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Đặc biệt giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu.

Thị trường vận tải biển thế giới vẫn ở trong tình trạng suy thoái kéo dài, chỉ số giá cước BDI vẫn ở mức rất thấp, liên tục phá đáy trong vòng 35 - 40 năm qua.

Ngành vận tải biển Việt Nam gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, nhiều hãng tàu phải tuyên bố phá sản, bán bớt tàu và luôn ở trong tình trạng thiếu vốn để duy trì sản xuất kinh doanh. Nạn cướp biển hoành hành và lan rộng. Nhiều Công ước quốc tế liên quan đến hàng hải, bảo vệ môi trường ra đời và có hiệu lực buộc các chủ tàu phải tăng cường bổ sung hoặc thay thế máy móc thiết bị để đáp ứng các yêu cầu của Công ước. Đây là những yếu tố rất bất lợi cho Công ty Vietfracht vì tỷ trọng đầu tư kinh doanh lớn nhất của Công ty nằm ở mảng Vận tải biển.

Là doanh nghiệp có 2 mảng kinh doanh chính là Vận tải biển và Logistics, đều là những lĩnh vực đang gặp khó khăn, chịu sự cạnh tranh gay gắt, và phải chịu gánh nặng trả nợ của các khoản vay thương mại, nên hiệu quả SXKD của Vietfracht trong những năm qua bị suy giảm. Thêm vào đó, chi phí tài chính tăng vọt do sự biến động của tỷ giá dẫn đến lỗ tỷ giá. Hầu hết tất cả các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2016. Mặc dù vậy, Ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong Công ty đã tập trung, cố gắng, tìm mọi giải pháp để duy trì sản xuất, đảm bảo khả năng thanh toán... nhưng kết quả chung toàn Công ty năm 2016 vẫn lỗ. Dự báo mảng kinh doanh vận tải biển của Công ty vẫn còn nhiều thách thức và sẽ tiếp tục bị lỗ, trong khi lợi nhuận của các mảng dịch vụ khác không thể bù đắp được. Do vậy Công ty có kế hoạch tái cơ cấu đội tàu, và một số tài sản để bù lỗ cho hoạt động SXKD. Mục tiêu phấn đấu năm 2017 Công ty đạt kết quả kinh doanh khả quan hơn và không bị lỗ.

Nhiệm vụ trọng tâm Công ty năm 2017 vẫn là: (i) vẫn tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu đội tàu và tài sản; (ii) duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong các lĩnh vực dịch vụ mà Công ty đang cung cấp; (iii) triệt để tiết kiệm chi phí, bảo toàn vốn; (iv) từng bước tái cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng cho mảng dịch vụ Logistics và (v) đảm bảo duy trì việc làm, đời sống cho người lao động và lợi ích của các cổ đông.

Thay mặt HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht, Tôi xin gửi tới các Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và lời cảm ơn chân thành vì đã đồng hành, ủng hộ Công ty trong suốt thời gian qua.

Kính chào trân trọng.
Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Phượng

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường biển
- ✓ Thuê tàu, cho thuê tàu và môi giới thuê tàu
- ✓ Giao nhận vận tải đường biển, hàng không, đường bộ
- ✓ Kinh doanh kho bãi và container
- ✓ Đầu tư tài chính
- ✓ Đại lý tàu biển

THÀNH TỰU

- ✓ Huân chương độc lập
- ✓ Đơn vị anh hùng lao động
- ✓ Cúp vàng doanh nghiệp
- ✓ Chứng chỉ ISO 9001 - 2008

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

1963	*"Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht" được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.*
1984	*Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành "Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht" theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ)*
1991	*Được đổi tên thành "Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht"*
2003	*Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ: Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ GTVT.*
2005	*Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty*
2006	*Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.*
2006	*Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán:* ***VFR.***
2006 - 2017	*Công ty Cổ Phần Vận tải và Thuê tàu đã chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, theo QĐ số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2006 cho đến nay.*

TỔNG QUAN CÔNG TY NĂM 2016

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: **Công ty CP Vận tải và Thuê tàu**
Tên tiếng Anh: **Transport and Chartering Corporation**
Tên viết tắt (hay tên giao dịch): **Vietfracht**

Trụ sở chính: Số 74 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 38 228915
Fax: 04 38 228916
Website: www.vietfracht.com.vn

Mã cổ phiếu: VFR
Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0100105937 ngày 02/10/2006
Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng
Vốn đầu tư của Nhà nước tại Công ty: 11,850 tỷ đồng chiếm 7,9% vốn điều lệ.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

+ Phấn đấu trở thành một trong số các doanh nghiệp hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, có thương hiệu Vietfracht nổi bật;

+ Luôn chú trọng cải thiện điều kiện, môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

+ Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn để duy trì, phát triển hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.

+ Tích cực tham gia công tác xã hội, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và Xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Vận tải và Thuê tàu được thành lập lần đầu vào ngày 18/02/1963 với tên gọi "Tổng Công ty Vận tải ngoại thương", trực thuộc Bộ Ngoại thương. Đến năm 1984 được đổi tên là "Tổng Công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải", và được chuyển sang trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Đến năm 2006 được cổ phần hoá và niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mang tên mới từ đó đến nay là Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Tên viết tắt cũng là thương hiệu của Công ty tồn tại không thay đổi suốt từ ngày thành lập, từ năm 1963 - đến nay là **Vietfracht.**

Vietfracht là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức Hàng hải quốc tế và Ban-tích (BIMCO), Liên đoàn quốc tế những Hiệp hội giao nhận (FIATA), Liên đoàn những Hiệp hội quốc gia về đại lý và môi giới hàng hải (FONASBA), Hiệp hội Chủ tàu các nước thuộc Hội các nước Đông Nam Á (FASA), Diễn đàn Chủ tàu châu Á (ASF), và là một trong những thành viên sáng lập của nhiều tổ chức quốc gia như: Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam (VSA), Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLC) và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, Vietfracht được biết đến là một trong những công ty hàng hải hàng đầu của Việt Nam, Công ty luôn đổi mới, cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đạt hiệu quả cao trong SXKD. Với những thành tích đáng tự hào nêu trên, Cty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quí: Huân chương Lao động hạng Nhất/Nhì/Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba, Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Công ty đăng ký ngành nghề kinh doanh rất đa dạng, phong phú, song tập trung chủ yếu vào một số ngành nghề chính sau đây:

- Vận tải hàng hóa bằng đường biển (bao gồm vận tải container, hàng siêu trường siêu trọng, hàng rời, hàng bách hoá theo các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế). Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới hàng hải và các dịch vụ môi giới khác;

- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải hàng hoá đa phương thức, bằng đường không, đường biển, đường bộ... theo sự ủy thác của chủ tàu và chủ hàng và các dịch vụ liên quan;

- Khai thác kho bãi container, kho ngoại quan, kho trung chuyển, phân phối, thu gom hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng hoá nội địa;

- Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc;

- Đầu tư thành lập các công ty liên doanh liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực (nêu trên) để mở rộng mạng lưới kinh doanh; Đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác.

* Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng trên khắp mọi miền của đất nước, chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn hoặc thành phố - cảng biển lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Tp Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

I. BỐI CẢNH KINH TẾ NĂM 2016

- Năm 2016 tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo khoảng 1,7% - 2,4%, phản ánh đà giảm tốc tăng trưởng tại Trung Quốc và sự sụt giảm hoạt động nhập khẩu vào Mỹ, tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển như Anh, Mỹ, Canada, Đức và Nhật Bản chậm lại, giá dầu và giá hàng hóa nguyên liệu vẫn giữ ở mức thấp, thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn bị thuyên giảm. Xuất nhập khẩu của Trung Quốc với những hàng hóa cơ bản như dầu thô, quặng sắt và đồng cùng giảm, và nhu cầu của thị trường thế giới đối với hàng hóa của nước này cũng lao dốc. Tỷ lệ lạm phát của khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong tháng 11/2016 là 0,6% - mức kỷ lục trong 31 tháng liên tiếp.

Việc nước Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (EU) hay còn gọi là Brexit làm xáo trộn tâm lý của các nhà đầu tư, mặc dù các tác động kinh tế của Brexit trên khu vực châu Á -Thái Bình Dương không nhiều do Vương quốc Anh là một thị trường xuất khẩu khá nhỏ của châu Á -Thái Bình Dương, chiếm khoảng 2% tổng xuất khẩu. Bên cạnh đó, việc Tổng thống Mỹ đắc cử Donald Trump quyết định rút khỏi Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương - TPP gây áp lực cho các nhà xuất khẩu Việt Nam. Việt Nam là một nền kinh tế phụ thuộc nhiều về thương mại trong khu vực với thị phần xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc và Mỹ rất lớn. Thất bại của TPP đã dấy lên nguy cơ bảo hộ ngày càng tăng.

Giá dầu thế giới giảm mạnh hồi đầu năm 2016 (thậm chí xuống dưới 30 USD/thùng) chủ yếu do sản lượng dầu của Mỹ "bùng nổ" và OPEC muốn đẩy mạnh xuất khẩu để bảo vệ thị phần, nhưng giai đoạn cuối năm giá dầu dần thoát đáy, ngày 30/11 giá dầu thế giới tăng 10% sau khi các nước OPEC thống nhất cắt giảm sản lượng kể từ tháng 01/2017 khoảng 4,5%, tương đương 1,2 triệu thùng dầu/ngày. Năm 2016 khép lại giá dầu thế giới ở quanh ngưỡng 45 -50 USD/thùng.

- Kinh tế Việt Nam với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21%, thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, trong nước gặp nhiều khó khăn thì đây được xem là một kết quả tích cực với cán cân thương mại xuất nhập khẩu dương, sản xuất công nghiệp tăng mạnh. Mặc dù lạm phát cả năm 2016 cao hơn so với năm 2015 nhưng chỉ ở mức 4% - 4,5%. Bội chi ngân sách bình quân ở mức khoảng 6% GDP trong năm 2016. Nợ công thời gian qua tăng gần sát ngưỡng 65% GDP, là mức được Quốc hội cho phép.

Năm 2016 Việt Nam ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) như Hiệp định FTA Việt Nam - EU sẽ có hiệu lực vào năm 2018, Hiệp định FTA Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á – Âu có hiệu lực từ ngày 5/10/2016 vừa qua, các Hiệp định xúc tiến và tạo thuận lợi thương mại trong khu vực tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam, Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN - Trung Quốc. Các Hiệp định này được kỳ vọng sẽ sẽ mang lại nhiều kết quả tích cực cho hoạt động giao thương, lưu thông hàng hóa giữa Việt Nam với các nước.

- Vào năm 2016, giá cước trên thị trường của hầu hết những phân khúc tàu vận tải biển gặp nhiều thử thách. Giá cước trung bình của các loại tàu thương mại chính trong mười tháng đầu tiên của năm 2016 ở mức $9.129/ngày. Nổi bật trong năm là làn sóng lớn của những thương vụ mua bán & sáp nhập và hợp nhất của các công ty vận tải biển như thương vụ ông lớn vận tải biển CMA CGM thâu tóm Công ty vận tải NOL, Hapag-Lloyd và United Arab Shipping Co. đã đạt được một thỏa thuận sáp nhập, ba công ty vận tải biển K Line, MOL, NYK Line của Nhật Bản hợp nhất mảng kinh doanh vận tải container. Các hãng vận tải cũng đã ký kết thỏa thuận thành lập những liên minh mới là 2M, Ocean Alliance và THE Alliance sẽ chính thức hoạt động vào tháng 4/2017.

Tuy nhiên, sự kiện gây chấn động nhất trong ngành vận tải biển năm nay chắc chắn là vụ phá sản của công ty vận tải biển lớn nhất Hàn Quốc, Công ty Hanjin Shipping. Sự sụp đổ của Công ty vận tải container lớn thứ 7 thế giới vào đầu tháng 9 đã khiến ngành logistics toàn cầu bị hỗn loạn, khi các tàu của Công ty bị cấm vào các cảng trên thế giới do lo ngại tàu không trả được chi phí dịch vụ và nhân công tại cảng.

Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển trên toàn cầu nhìn chung tăng 2,5% trong năm 2016 lên tới 11,1 tỷ tấn hàng. Và tình trạng dư thừa năng suất gây ra cạnh tranh giữa các hãng vận tải khiến giá cước đi xuống. Thị trường hàng khô rời cũng khá ì ạch trong năm 2016. Từ tháng 1-10/2016 giá cước thuê tàu hàng rời trung bình là $5.645/ngày, gần với những chi phí khai thác tàu cơ bản.

- Với tốc độ phát triển đạt từ 16-20%, ngành logistics là một trong những ngành dịch vụ tăng trưởng tốt và đều nhất của Việt Nam trong năm qua. Nhưng hạ tầng dịch vụ logistics còn thiếu đồng bộ, nhất là giữa các cảng biển với hệ thống đường bộ, đường sắt và hệ thống dịch vụ hỗ trợ sau cảng biển. Thiếu những cảng cạn, trung tâm logistics có quy mô và vị trí thuận tiện tại mỗi khu vực kinh tế trọng điểm để làm đầu mối trung chuyển, phân phối hàng hóa. Ngoài ra, hoạt động chuyển giao hàng hóa giữa những phương thức vận chuyển còn chậm, phương thức vận tải đường bộ còn thiếu hiệu quả, trong khi vận tải đường sắt chỉ chiếm chưa đầy 1% thị phần vận tải toàn ngành.

Ngành logistics Việt Nam chưa thể làm chủ việc vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, bởi doanh nghiệp trong ngành hầu hết vẫn hoạt động nhỏ lẻ, chỉ đi được các chuyến xuất khẩu đường ngắn, khả năng cạnh tranh thấp. Kho hàng, bến cảng tuy phần nhiều nằm trong tay doanh nghiệp nội, nhưng doanh nghiệp ngoại lại có thế mạnh ở hệ thống, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, đáp ứng được các tuyến xuất khẩu đường dài. Với khoảng 40 hãng tàu biển nước ngoài chuyên vận tải container đang hoạt động tại Việt Nam nhưng đảm nhận đến 88% khối lượng hàng xuất, nhập khẩu, trong đó gần 100% hàng hóa container xuất nhập khẩu tới các thị trường châu Âu, Hoa Kỳ. Trong logistics, phần lõi là vận tải chiếm khoảng 60%, còn lại là các công đoạn khác như vận tải trên bộ, kho hàng, đóng gói... Hiện doanh nghiệp ngoại nắm giữ hoàn toàn phần lõi, 40% dịch vụ vòng ngoài do doanh nghiệp trong nước cung ứng, nhưng các hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam vẫn phụ thuộc doanh nghiệp ngoại.

- *Tình hình Công ty trong năm 2016:* Với môi trường kinh doanh khó khăn, thị trường VTB vẫn suy thoái và còn nhiều khó khăn, đã tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của đội tàu - lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Mặt khác chi phí tài chính tăng vọt do sự biến động của tỷ

giá dẫn đến lỗ tỷ giá. Hầu hết tất cả các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2016. Thị trường vận tải biển gặp khó khăn nên doanh thu của 3 con tàu giảm trong khi các chi phí cố định như khấu hao, bảo hiểm vẫn phải chịu dẫn đến lợi nhuận của Công ty giảm. Mặc dù vậy, ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong Công ty đã tập trung, cố gắng, tìm mọi giải pháp để duy trì sản xuất, đảm bảo khả năng thanh toán... nhưng kết quả chung toàn Công ty năm 2016 vẫn lỗ.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht) gồm 05 thành viên được ĐHĐCĐ bầu cho nhiệm kỳ 2016 - 2021, trong đó 01 thành viên là Chủ tịch HĐQT, làm việc kiêm nhiệm và không thường xuyên tại Công ty, 01 thành viên HĐQT kiêm TGĐ điều hành, làm việc thường xuyên tại Công ty; và 03 thành viên kiêm nhiệm khác không làm việc thường xuyên tại Công ty .

Ngày 29/06/2016 Đại hội cổ đông thường niên bầu ra thành viên HĐQT, BKS, cho nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

❖ Hội đồng quản trị:

- Bà Trần Thị Tuyết Nhung	- Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Bình Phú	- Ủy viên HĐQT
- Ông Phạm Minh Đức	- Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Anh Minh	- Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	- Ủy viên HĐQT

❖ Ban Kiểm Soát:

- Bà Nguyễn Hồng Diệu	- Trưởng BKS
- Ông Nguyễn Văn Chiến	- Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Cáp Tiến Đạt	- Thành viên BKS

Căn cứ vào thực tế của công ty, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban, mà sử dụng chung bộ máy của Ban Điều hành gồm 01 Thư ký công ty, giúp việc HĐQT là 01Thư ký HĐQT.

2. Hoạt động của HĐQT

- Thực hiện qui chế nội bộ của công ty về quản trị doanh nghiệp, HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty và Ban Điều hành, có sự trao đổi liên lạc giữa các thành viên HĐQT để có ý kiến chỉ đạo kịp thời về các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền.

- HĐQT chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết và quyết định của HĐQT. Hàng quý, HĐQT đều tiến hành họp HĐQT thường kỳ để xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty quý trước, xem xét để thông qua kế hoạch hành động cho quý sau. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT tiến hành họp bất thường hoặc tiến hành lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời giải quyết vướng mắc, tạo điều kiện phục vụ sản xuất. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, với Ban Kiểm soát trong xử lý các công việc quan trọng của Công ty. Trong tất cả các cuộc họp của mình, HĐQT đều cung cấp đầy đủ tài liệu và mời Trưởng ban Kiểm soát tham dự để cùng thực hiện chức năng quản trị - giám sát.

Trong năm 2016, HĐQT đã có 6 cuộc họp trực tiếp và nhiều lần ban hành các nghị quyết và quyết định để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

- Tự đánh giá năm 2016, HĐQT đã bám sát các hoạt động của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng Ban Điều hành, kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định đáp ứng các yêu cầu duy trì ổn định và phát triển Công ty. HĐQT đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật nhà nước về quản trị Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty Vietfracht.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGĐ và Ban Điều hành

- Năm 2016 tiếp tục là một năm khó khăn trong SXKD, đặc biệt là lĩnh vực vận tải biển. Do vậy để hoàn thành kế hoạch tài chính của ĐHĐCĐ đề ra là cố gắng đáng ghi nhận của Ban Điều hành. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn phát triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

- Trong năm vừa qua, Tổng Giám đốc, các thành viên trong Ban điều hành thuộc diện quản lý của HĐQT đều tích cực, có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Công ty, trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc đã tập hợp và huy động được tập thể cán bộ dưới quyền cùng tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty. Tuy nhiên để phục vụ có hiệu quả mục tiêu ổn định, vượt qua khủng hoảng, phát triển lâu dài, Ban Điều hành cần năng động hơn trong công tác phát triển mở rộng khách hàng mới , xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực về quản lý và chuyên môn, đặc biệt là quản lý chất lượng đội ngũ thuyền viên.

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

- *Bảng tổng hợp Kết quả SXKD của Công ty năm 2016:*

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện 2016	*So với TH 2015*		*So với Kế hoạch 2016*	
		TH 2015	%	KH 2016	%
Tổng Doanh thu	259	290,91	89,03%	298,29	86,83%
Tổng Chi phí	271,2	305,7	88,71%	312,7	86,73%
Lợi nhuận trước thuế	-12,2	-14,79	82,49%	-14,41	84,66%

- *Đánh giá chung*:

+ Kết quả SXKD năm 2016 có hiệu quả thấp, bị lỗ -12,2 tỷ đồng, và là năm thứ ba bị lỗ liên tiếp kể từ khi thành lập Công ty suốt 54 năm qua. Đáng lưu ý nữa là quy mô tổng doanh thu và tổng chi phí trong năm tài chính có xu hướng bị thu hẹp hơn so với năm trước. Tuy nhiên doanh thu chỉ đạt 86,8% thì chi phí lại bằng 86,7% so với kế hoạch đề ra. Điều này cho thấy Ban Điều hành đã nỗ lực hết sức để tiết giảm chi phí đạt được so với kế hoạch đề ra, tuy vậy mức lỗ đã giảm chỉ còn 84,6% so với kế hoạch.

+ Nhìn vào cơ cấu doanh thu cho thấy, cũng như từ trước đến nay, doanh thu từ hoạt động vận tải biển, Chi nhánh Vietfracht Hồ Chí Minh và Chi nhánh Vietfracht Hải Phòng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của toàn Công ty.

+ Với sự nỗ lực cố gắng của BĐH và tập thể CBCNV, năm 2016 Công ty đã thực hiện được hầu hết các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao, lợi nhuận trước thuế - 12,2 tỷ do các yếu tố đã phân tích ở phần trên.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 CỦA HĐQT

1. Đánh giá những khó khăn và thuận lợi của Công ty

a. Những thuận lợi cơ bản:

+ Công ty có truyền thống đoàn kết, năng động sáng tạo và tinh thần vượt khó trong những thời điểm khó khăn nhất, là một thương hiệu có uy tín trên thị trường...

+ Có hệ thống cơ sở vật chất tương đối như phương tiện vận chuyển, kho bãi, nhà cửa; Có mạng lưới các chi nhánh, công ty con, công ty LD – LK trải rộng khắp cả nước với các nghiệp vụ kinh doanh phong phú liên quan đến nhau trong chuỗi logistic.

b. Những khó khăn chủ yếu:

+ Tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa hồi phục rõ nét, môi trường kinh doanh trong nước còn nhiều khó khăn; thị trường hàng hải thế giới chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, suy thoái.

+ Năng lực tài chính bị suy giảm, áp lực về dòng tiền luôn thường trực; thiếu vốn đầu tư vào một số hạng mục cần thiết; trong khi đó số dư nợ của Công ty vẫn còn khá lớn.

2. Định hướng hoạt động của Công ty năm 2017

a. Mục tiêu cơ bản năm 2017:

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà còn ảm đạm, thị trường VTB còn nhiều khó khăn, khả năng tài chính Công ty lại eo hẹp, lãnh đạo Công ty đặt ra *Mục tiêu để phấn đấu trong năm 2017* như sau:

+ Cố gắng duy trì ổn định mọi dịch vụ, mọi hoạt động SXKD của Công ty, phấn đấu đạt kết quả kinh doanh không bị lỗ.

+ Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác marketing tìm kiếm thêm khách hàng để giữ mức doanh thu. Tìm mọi giải pháp để giảm lỗ đội tàu, trong đó cần tìm cơ hội để tái cơ cấu đội tàu.

+ Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm giảm bớt các khó khăn về tài chính và dòng tiền cho hoạt động SXKD.

+ Đảm bảo việc làm và đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.

b. Kế hoạch tài chính Công ty năm 2017 (tỷ đồng):

(1)- Sản xuất kinh doanh chính:

- Doanh thu: 252,68 tỷ đồng
- Chi phí: 271.74 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: -19.06 tỷ đồng

(2)- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đội tàu.

3. Phương hướng công tác của HĐQT năm 2017

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đưa ra phương hướng - kế hoạch công tác của mình năm 2017 như sau:

- ✓ Thực hiện tốt qui chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp đã được ban hành , tích cực giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- ✓ Tiếp tục cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT, nhằm lãnh đạo có hiệu quả Công ty trong tình hình mới, để bảo đảm nguyên tắc giữ vững uy tín và thương hiệu Vietfracht dù Công ty thuộc chủ sở hữu của bất kỳ ai.
- ✓ Duy trì sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Giám đốc trong việc theo dõi, chỉ đạo và giải quyết các công việc của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ.
- ✓ Tiếp tục rà soát các quy chế quản lý nội bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các quy định hiện hành của nhà nước.
- ✓ Tăng cường quan hệ với cổ đông thông qua việc cung cấp thông tin tới công chúng một cách chính xác, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho cổ đông.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2016, kế hoạch hoạt động năm 2017 của HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIETFRACHT

Nguyễn Thị Phượng

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SXKD NĂM 2017

I. KẾT QUẢ SXKD 2016

1. Bối cảnh kinh tế:

Tổng thể tình hình kinh tế thế giới vẫn đang tình trạng mất đà tăng trưởng, nguồn cầu yếu - vốn đã tồn tại lâu trong các mảng kinh tế chính gây hạn chế cho tăng trưởng toàn cầu, giá dầu và các hàng hóa khác giảm làm tổn thương các nước xuất khẩu, tăng trưởng của các nước phát triển giảm, bên cạnh đó những thách thức về chính trị, xung đột vũ trang, khủng hoảng di cư, khủng bố... xảy ra ở nhiều nơi đã gây nên những tác động tiêu cực đến thương mại và thị trường hàng hải toàn cầu. Thị trường vận tải biển (VTB) thế giới vẫn ở trong tình trạng suy thoái kéo dài, chỉ số giá cước BDI (Chỉ số thuê tàu hàng khô Baltic) có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2016 bởi nhu cầu sử dụng dịch vụ an toàn tăng mạnh, từ đầu năm 2016 đến cuối năm 2016 chỉ số BDI tăng dần từ mức 478 điểm lên đến mức hơn 1200 điểm, nhưng đến đầu năm 2017 BDI lại giảm xuống quanh mức 735 điểm và tiếp tục giảm, điều đó cho thấy sự tăng trưởng này không ổn định và tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro bất thường. Hơn nữa chỉ số này tăng trên qui mô toàn cầu, tại phân khúc và khu vực đội tàu Công ty hoạt động vẫn duy trì lừng khừng ở mức rất thấp.

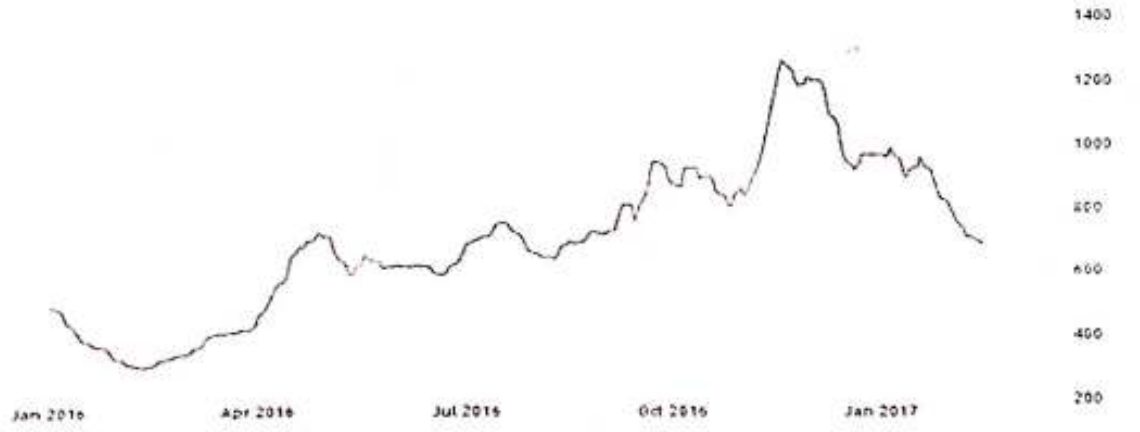

Nạn cướp biển lan rộng – đặc biệt là tại khu vực Đông nam á như Philippine, Malaysia, Indonesia, nhiều công ước hàng hải quốc tế và bảo vệ môi trường ra đời và có hiệu lực buộc các chủ tàu phải tăng cường bổ xung hoặc thay thế máy móc thiết bị để thỏa mãn các yêu cầu của công ước.

Đó là chưa kể tại khu vực thị trường này tiềm ẩn nhiều rủi ro như dễ bị tai nạn, kiện cáo phức tạp bởi người thuê tàu hay chủ hàng/người nhận hàng hay áp dụng luật địa phương cho các tranh chấp có tính quốc tế làm thiệt thòi cho doanh nghiệp nước ngoài như doanh nghiệp Việt Nam. Khi có bất cứ tranh chấp nào xảy ra thì các chính quyền sở tại thường dành sự ưu tiên cho doanh nghiệp trong nước họ nên dễ tuyên bố bắt giữ tàu ngay.

Năm 2016 này cũng chứng kiến khá nhiều hiện tượng đổi tên, bán tàu, chuyển sở hữu tàu. Rất nhiều thương hiệu vận tải biển lớn, rất nhiều tên tàu biển quen thuộc một thời đã biến mất khỏi thị trường.

Kinh tế Việt Nam năm 2016 tuy được đánh giá là ổn định và có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế yếu kém, những khó khăn thách thức vẫn còn đang ở phía trước, việc tái cơ cấu nền kinh tế chậm, môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính còn trì trệ, nhiều vướng mắc, tỷ lệ nợ công vẫn còn ở mức cao.Việc tham gia và ký kết các Hiệp định TTP, AEC và các Hiệp định hợp tác song phương, đa phương của Việt Nam với các nước có những cơ hội nhất định nhưng cũng tiềm ẩn nhiều thách thức, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước phải có vốn đầu tư và cơ sở vật chất lớn.

Qua nhiều năm kinh doanh thua lỗ liên tục, việc lo gồng gánh để nuôi bộ máy doanh nghiệp đã làm đuối sức những doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực vận tải biển nên việc nâng cao trình độ cho nhân viên, tìm kiếm thêm thị trường mới, nâng cao năng lực bằng đội tàu mới, hiện đại hơn có vẻ như vẫn còn quá xa vời và Vietfracht cũng không thoát khỏi cảnh đó.

Là doanh nghiệp có 2 mảng kinh doanh chính là Vận tải biển và Logistics, đều là những mảng chịu sự cạnh tranh gay gắt, thị trường hạn chế, hơn nữa lại phải chịu gánh nặng trả nợ của các khoản vay thương mại, nên Vietfracht đang gặp rất nhiều khó khăn, hiệu quả SXKD suy giảm.

2. KQ SXKD năm 2016:

- **Bảng tổng hợp KQ SXKD của Công ty năm 2016 (theo BC tài chính đã kiểm toán):**

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH/KH
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.284.337.616	221.591.042.181	0,80
2	Giá vốn hàng bán (không bao gồm chi phí khấu hao)	231.521.088.664	192.674.660.204	0,84
3	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**43.763.248.952**	**28.916.381.977**	0,63
4	Doanh thu hoạt động tài chính	23.008.400.000	33.040.801.393	1,44
5	Chi phí tài chính	11.617.866.984	13.757.399.529	1,18
6	Chi phí cố định và quản lý doanh nghiệp (đã bao gồm chi phí khấu hao)	69.560.535.624	63.546.240.289	0,91
7	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**	**- 14.406.753.656**	**- 16.542.383.082**	1,15
8	Thu nhập khác		4.539.981.262	
9	Chi phí khác		222.099.624	
10	Lợi nhuận khác			
11	**Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp**	**- 14.406.753.656**	**- 12.224.501.444**	0,85

- **Cơ cấu Doanh thu theo các nghiệp vụ kinh doanh năm 2016 (tỷ lệ %):**

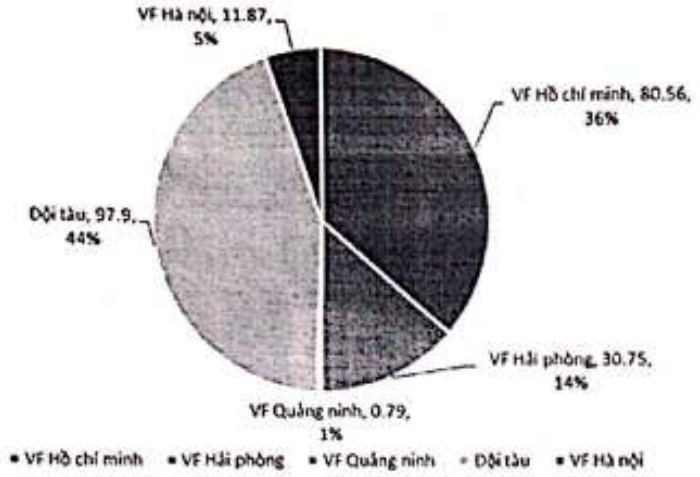

- **Đánh giá chung:**

+ Kết quả SXKD năm 2016 đạt hiệu quả thấp. Công ty bị lỗ 12,22 tỷ đồng, đây là năm thứ 3 liên tiếp Công ty bị lỗ kể từ khi thành lập được 53 năm, quy mô tổng doanh thu và tổng chi phí trong năm tài chính có xu hướng bị thu hẹp dần theo từng năm trở lại đây. Doanh thu chỉ đạt 81% kế hoạch đề ra, giá vốn bằng 84% so với kế hoạch đề. Bằng sự cố gắng của BĐH và CNCNV Công ty, mức lỗ năm 2016 là 12,22 tỉ đồng so với mức lỗ kế hoạch là 14,4 tỷ đồng (bằng 85% mức lỗ kế hoạch).

+ Bảng cơ cấu doanh thu theo các nghiệp vụ kinh doanh cho thấy: Doanh thu từ hoạt động vận tải biển, Chi nhánh Vietfracht Hồ Chí Minh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của toàn Công ty, do đó các hoạt động kinh doanh này là các hoạt động kinh doanh mang tính then chốt trong SXKD của Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA TỪNG NGHIỆP VỤ KINH DOANH:

1. Hoạt động kinh doanh VTB:

a. **Kết quả hoạt động kinh doanh Vận tải biển năm 2016** *(không tính khấu hao và chi phí tài chính - lãi vay)*

Đơn vị tính: tỷ đồng

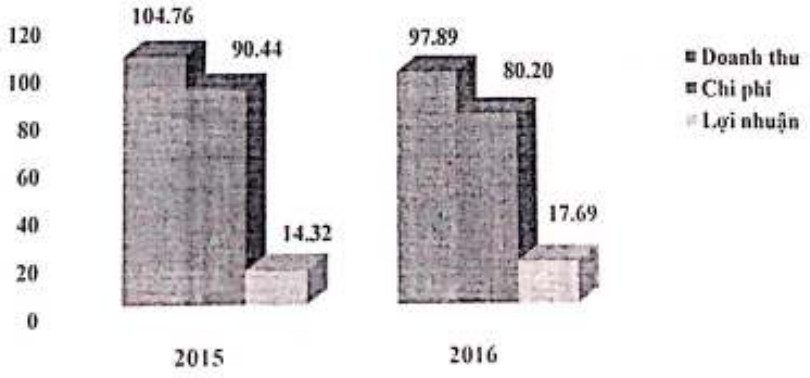

Năm 2016, hoạt động kinh doanh vận tải biển đạt 97,88 tỷ đồng doanh thu, chiếm tỷ trọng 44% trong tổng số doanh thu của toàn Công ty, tuy nhiên đây cũng là hoạt động khiến cho kết quả chung của toàn công ty bị lỗ do hoạt động này lãi kinh doanh chỉ đạt 17,7 tỉ (bằng 123,6% so với năm 2015), nếu tính cả chi phí khấu hao và chi phí tài chính (lãi vay mua tàu) thì đội tàu lỗ thuần 35,7 tỷ (bằng 92% so với thực hiện năm 2015).Việc kinh doanh vận tải biển phụ thuộc phần lớn vào yếu tố thị trường, rủi ro kinh doanh. Chẳng hạn: cuối năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 tàu Thăng Long bị lưu giữ tại Maldiver hơn 9 tháng do người thuê tàu có tranh chấp với chủ hàng và dự kiến nguồn tiền thu được của tàu Thăng Long thời gian bị lưu giữ chỉ đạt 36% (so với hợp đồng đã) sau khi các bên thực hiện đúng thỏa thuận về việc giải quyết và kết thúc vụ tranh chấp. Điều này càng chỉ ra rằng kinh doanh đội tàu sẽ còn rất khó khăn nếu thị trường hàng hải không có yếu tố đột biến, Công ty sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng tiêu cực do kinh doanh vận tải biển vẫn đang là ngành kinh doanh chính của Công ty.

b. Hoạt động của Chi nhánh Vietfracht Hồ Chí Minh: *Đơn vị tính: tỷ đồng*

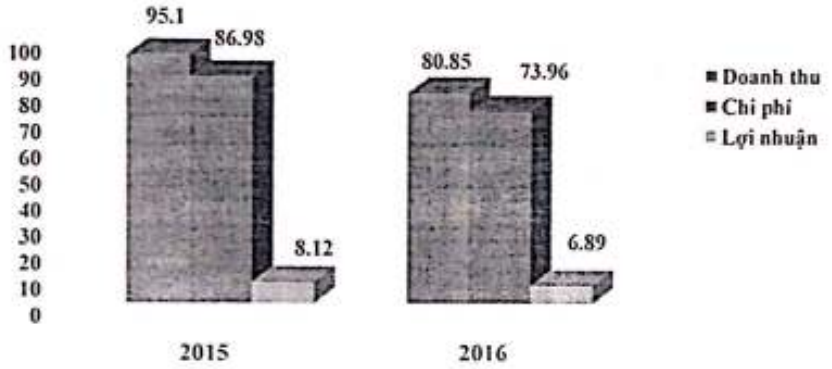

Chi nhánh Vietfracht Hồ Chí Minh là đơn vị duy nhất giữ được mức độ tăng trưởng và hiệu quả cao. Hiện Chi nhánh có các dịch vụ như: Đại lý hàng hải, đại lý môi giới tìm hàng, dịch vụ giao nhận logistics, đây là những dịch vụ chủ yếu được tạo ra từ các hoạt động dịch vụ không có tài sản cố định, Chi nhánh cũng có hoạt động kinh doanh kho bãi, nhưng kho bãi này vẫn phải đi thuê để làm dịch vụ, vì vậy doanh thu của đơn vị khó ổn định, phụ thuộc nhiều vào yếu tố con người, các mối quan hệ và cung cầu của thị trường, ngoài ra Chi nhánh còn có hoạt động cho thuê nhà và những bất động sản thuộc Công ty, tuy nhiên đây là những dịch vụ chưa có kế hoạch hoạt động lâu dài.

c. Hoạt động của Chi nhánh Vietfracht Hải Phòng: *Đơn vị tính: tỷ đồng*

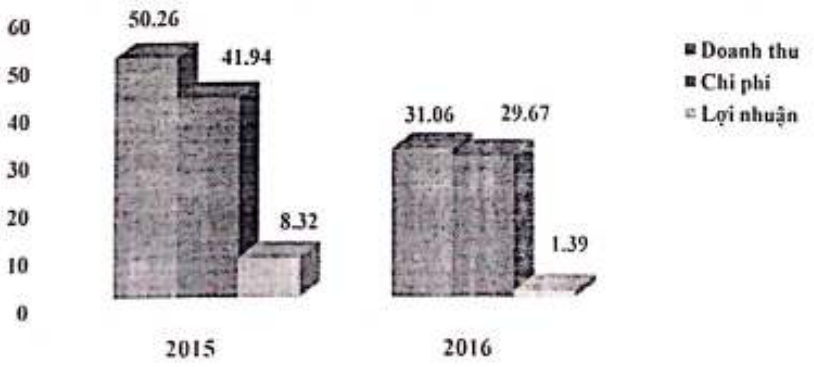

Các dịch vụ kinh doanh của VF Hải Phòng là đại lý tàu biển, đại lý môi giới tìm hàng, dịch vụ giao nhận và kho bãi do Công ty đầu tư. Là đơn vị được Công ty đầu tư nhiều, có cơ sở kho bãi và phương tiện vận tải, tuy nhiên Doanh thu và lợi nhuận của Chi nhánh VF Hải Phòng sụt giảm nghiêm trọng trong năm 2016, một phần là do mất dần các khách hàng lớn do kho bãi của VF Hải Phòng xuống cấp nghiêm trọng, không còn đáp ứng được yêu cầu khai thác cũng như các tiêu chuẩn mà khách hàng đòi hỏi, đặc biệt là yêu cầu gửi hàng của các khách hàng nước ngoài, kho bãi hiện đã hư hỏng chưa được đầu tư sửa chữa: mặt khác lực lượng lãnh đạo và nhiều cán bộ chủ chốt xin chấm dứt HĐLĐ hoặc nghỉ hưu cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng và khối lượng dịch vụ.

d. Hoạt động của Chi nhánh Vietfracht Quảng Ninh:

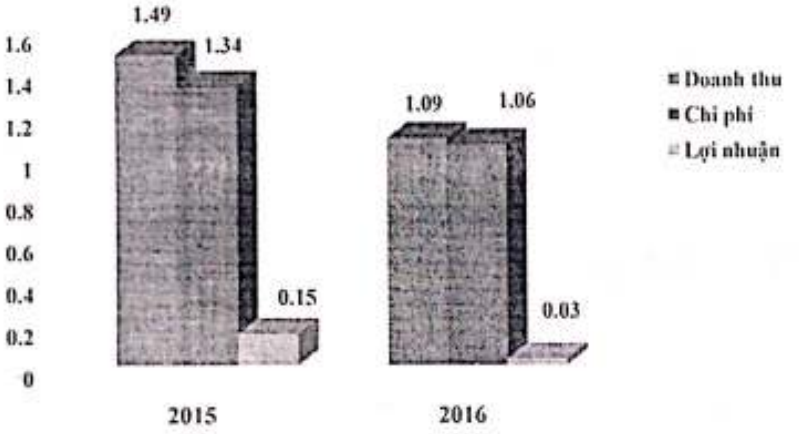

Dịch vụ kinh doanh của VF Quảng Ninh chủ yếu là làm Đại lý hàng hải, hiện Chi nhánh làm đại lý cho các tàu chở quặng clinker, cement và dầu thực vật. Cũng như Chi nhánh VF Hải phòng, toàn bộ lãnh đạo và nhiều cán bộ nghiệp vụ đã xin nghỉ, dịch vụ đại lý tàu đã ít lại càng kém và yếu hơn, đặc biệt là từ Q4/2016.

e. Đối với hoạt động Logistics:

Môi trường kinh doanh dịch vụ Logistics của các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung còn rất nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng yếu kém, năng lực kinh doanh còn nhiều hạn chế, hoạt động manh mún và không có sự liên kết chặt chẽ với nhau, hiện các DN VN đang chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau cũng như chịu sức ép cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài, khi những hạn chế đối với doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực logistics đã được dỡ bỏ hoàn toàn theo chính sách mở cửa của Việt Nam khi gia nhập WTO và AEC, những Công ty nước ngoài đa quốc gia tăng cường đầu tư và mở Công ty, xây dựng hệ thống kho bãi lớn với đội xe được trang bị hiện đại; hơn nữa, với tiềm lực về tài chính và mạng lưới đại lý toàn cầu, các Công ty nước ngoài đã thâu tóm đến 75% thị trường logistics của nước ta.

Đối với Công ty: Do nguồn vốn và nắm bắt thị trường, thời gian dài Công ty đã không chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ các dịch vụ logistics nên dịch vụ của Công ty vừa thiếu vừa yếu, đặc biệt là cơ sở hạ tầng như kho bãi, đội xe; nguồn lực và trình độ của cán bộ làm Logistics không được đào tạo bài bản; dịch vụ và khách hàng phần lớn phụ thuộc quan hệ cá nhân. Những vấn đề nêu trên cho thấy Công ty phải thuê ngoài nhiều dịch vụ, giảm tính chủ động và năng lực cạnh tranh, giảm hiệu quả và ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, dẫn đến việc khó thu hút được khách hàng mới và hậu quả tiếp theo là Công ty đang mất dần khách hàng, quy mô doanh thu lợi nhuận giảm dần.

f. Hoạt động đầu tư tài chính:

Công ty có các khoản đầu tư vào 2 Công ty con, 5 Công ty liên kết và hai khoản đầu tư dài hạn khác (nắm giữ dưới 20% vốn), trong tổng số các doanh nghiệp nêu trên thì có 4 Công ty liên doanh với nước ngoài, nhìn chung hoạt động ổn định, đạt kết quả tốt, thể hiện qua việc thu cổ tức, năm 2016 Công ty đã thu được 23 tỷ đồng từ cổ tức, cao hơn mức thu của năm 2015 là 21,4 tỷ đồng, đóng góp tích cực vào ngân sách Công ty. So với tổng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp này là 50,4 tỷ đồng thì hoạt động đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác là hoạt động có hiệu quả cao nhất.

Thực hiện chủ trương về việc thoái vốn, rút vốn khỏi các Doanh nghiệp ngoài ngành, hoặc các Doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh thấp, năm 2016 Công ty đã thực hiện thoái vốn khỏi công ty con là Công ty CP Vận tải và thuê tàu Đà nẵng (Vietfracht Đà Nẵng) từ đầu tháng 10 năm 2016.

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty con là Công ty CP kho vận Vietfracht Hưng Yên còn thấp, tỉ suất lợi nhuận trên tổng số vốn đầu tư là rất thấp và không đạt được như kỳ vọng. Mặc dù Ban điều hành VF Hưng Yên đã có nhiều nỗ lực và mở rộng dịch vụ và khách hàng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

Cụ thể kết quả kinh doanh của VF Hưng Yên như sau: Tổng doanh thu : 8,1 tỷ Tổng chi phí: 5,7 tỷ , Tổng LNTT 2,4 tỷ

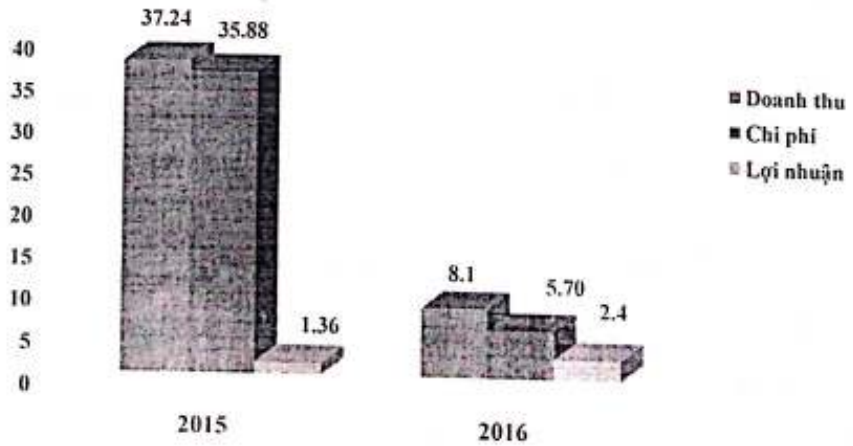

g. Hoạt động đầu tư xây dựng – cho thuê văn phòng:

Mảng cho thuê văn phòng có sự cạnh tranh gay gắt, giá cho thuê giảm, trong khi diện tích cho thuê văn phòng trên thị trường tăng, chi phí đầu vào vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến hiệu quả cho thuê văn phòng. Tuy nhiên Công ty đã cố gắng lấp đầy diện tích cho thuê với giá tương đối tốt so với thị trường và khu vực cho thuê.

Mảng đầu tư: Năm 2016 không có dự án đầu tư nào được triển khai từ những dự án đã khởi nguồn từ những năm trước do gặp phải những khó khăn nhất định và không tìm được nguồn vốn.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SXKD NĂM 2017:

a. Dự báo môi trường kinh doanh thời gian tới:

Kinh tế thế giới với triển vọng tăng trưởng không chắc chắn bởi các yếu tố khó lường như các chính sách của Tân Tổng thống Mỹ, Anh kích hoạt điều khoản Brexit (rời liên minh Châu Âu), kinh tế Trung Quốc giảm tốc, tăng trưởng chậm lại, tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nền kinh tế các nước ASEAN và Việt Nam sẽ đứng trước nhiều thách thức vì đồng USD tăng giá trong bối cảnh Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đứng trước nguy cơ tan vỡ, kinh tế Việt nam mặc dù đạt được một số tiến bộ nhất định trong những năm gần đây, tuy nhiên vẫn là nền kinh tế có sức cạnh tranh yếu, hiệu quả thấp; Môi trường đầu tư và kinh doanh chưa thuận lợi; Khối doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ vẫn gặp rất nhiều khó khăn.

Thị trường vận tải biển chứa đựng nhiều yếu tố biến động tiêu cực, giá cước bấp bênh và thường xuyên ở mức thấp – chạm đáy, dư thừa trọng tải và phụ thuộc hoàn toàn vào thương mại toàn cầu, nên nếu thị trường vận tải biển vẫn tiếp tục trì trệ như hiện nay thì Công ty sẽ tiếp tục gặp khó khăn, kinh doanh đội tàu sẽ tiếp tục lỗ, vấn đề này ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền và khả năng tài chính của Công ty do đây là mảng có tỷ trọng vốn đầu tư lớn nhất của Công ty bằng nguồn vay vốn vay thương mại.

b. Kế hoạch tài chính năm 2017:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2017	TH năm 2016
1	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	229,83	221,59
2	Lợi nhuận gộp trước khấu hao	28,70	28,92
3	Doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác	22,85	37,56
4	Chi phí hoạt động tài chính và hoạt động khác	7,52	13,97
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,88	16,92
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế và khấu hao	29,15	35,59

c. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2017:

- ***Khối Vận tải biển :***

+ Tiếp tục nắm bắt thị trường để tìm cơ hội tái cơ cấu đội tàu. Để thực hiện việc tái cơ cấu đội tàu, bán tàu việc cần nhất là phải có nguồn tiền để giải chấp với ngân hàng cho vay mua tàu, vì hiện giá trị tàu trên thị trường đều dưới mức dư nợ. Rất cần sự hỗ trợ của HĐQT về định hướng và giải pháp nhằm cắt lỗ đội tàu.

+ Trong khi chưa thực hiện được việc tái cơ cấu đội tàu, cần nâng cao năng lực và hiệu quả khai thác - quản lý đội tàu, giảm chi phí, hạn chế rủi ro, tăng cường công tác quản lý điều động và nâng cao năng lực thuyền viên.

+ Chuẩn bị tốt các mặt để đưa tàu Blue Lotus lên đà (Dự kiến tháng 5/2017).

+ Tiếp tục đàm phán với MSB và PG Bank để giảm lãi suất và giãn nợ khoản vay vốn mua tàu.

+ Do mảng kinh doanh đội tàu thua lỗ, cần xây dựng phương án vay tín dụng trình HĐQT để để đảm bảo dòng tiền hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Hiện việc phân cấp, phân quyền của CT HĐQT phần nào chưa phù hợp với đặc thù kinh doanh vận tải biển, ảnh hưởng đến việc khai thác, cung ứng nhiên liệu nên đôi khi tàu phải neo chờ hoặc không tranh thủ được giá tốt khi thị trường nhiên liệu có biến đông.

- ***Công tác logistics, kho, bãi, đại lý:***

+ Sớm sửa chữa nâng cấp kho bãi Đông Hải – Tp Hải Phòng theo hướng sau khi được CT HĐQT phê duyệt trên cơ sở phương án và dự toán của Ban thiết kế xây dựng, đảm bảo vừa sửa chữa vừa kinh doanh khai thác ổn định và tăng hiệu quả.

+ Tăng cường khâu marketing, nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ những khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

+ Tìm kiếm để thuê kho bãi tại TP HCM

- ***Mảng bất động sản:***

+ Phấn đấu khai thác có hiệu quả các tòa nhà đang cho thuê, đạt công suất khai thác 90%.

+ Tiếp tục triển khai và nhanh chóng hoàn thành các thủ tục pháp lý đối với những bất động sản còn tồn tại vướng mắc.

- ***Các công tác khác:***

+ Các đơn vị cần tiết giảm chi phí, quản lý sát sao vấn đề công nợ, tích cực thu hồi nợ, xây dựng các chính sách bán hàng khuyến khích người mua trả tiền ngay nhằm giúp Công ty giải bài toán về vốn, dòng tiền, đồng thời giảm thiểu rủi ro thu hồi công nợ...

+ Hiện trên toàn hệ thống Công ty, việc mất nguồn lực chất lượng cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dịch vụ và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cần có biện pháp và chính sách, đặc biệt là chính sách tiền lương, nhằm giữ chân người tài, tuyển dụng được cán bộ và thuyền viên có trình độ, tâm huyết với Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Kính chúc Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Quý vị đại biểu, Quý vị Cổ đông sức khỏe và thành công!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Bình Phú

Trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Kính thưa toàn thể quý cổ đông!

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu;*
- *Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu*
- *Các Quy định quản lý nội bộ Công ty.*

Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2016

Trong năm, Các thành viên ban kiểm soát đã phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty trong các lĩnh vực chính cụ thể là:

- Thực hiện rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo chương trình làm việc của ban kiểm soát.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của công ty, có ý kiến đóng góp để Công ty chỉnh sửa kịp thời đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy trình, phản ánh trung thực tình hình tài chính của đơn vị.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước.

Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

II. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

1. Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty tại như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo TC riêng		Báo cáo TC Hợp nhất	
	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016
A. Tổng tài sản	**549,66**	**476,51**	**602,50**	**502,86**
1. Tài sản ngắn hạn	127,94	101,86	156,47	116,54
2. Tài sản dài hạn	421,72	374,65	446,03	386,32
B. Tổng nguồn vốn	**549,66**	**476,51**	**602,50**	**502,86**
3. Nợ phải trả	322,57	261,64	332,09	260,99
4. Vốn chủ sở hữu:	227,09	214,87	270,41	241,87

Tổng tài sản, nguồn vốn vào thời điểm cuối năm có xu hướng giảm mạnh so với đầu năm – mức giảm hơn 73 tỷ đồng đối với báo cáo riêng (tỷ lệ giảm 13%) và giảm hơn 99 tỷ đồng (mức giảm 17%) đối với báo cáo hợp nhất. Tài sản giảm nhiều ở chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền và giảm tài sản cố định do thu hồi khấu hao tài sản. Nguồn vốn giảm do giảm khoản vay dài hạn (thu hồi từ nguồn khấu hao mang đi trả nợ gốc vay) và một phần giảm do lỗ từ hoạt động SXKD trong năm. Còn lại các chỉ tiêu khác nhìn chung không có nhiều biến động lớn.

Tình hình tài chính năm 2016 của Công ty đang có xu hướng mất cân bằng và ổn định khi Công ty đang sử dụng một phần nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho tài sản dài hạn (khoảng 30 tỷ nguồn vốn ngắn hạn đang tài trợ cho giá trị tài sản dài hạn). Công ty cần có định hướng, chiến lược để đảm bảo được ổn định và cân bằng tình hình tài chính.

Trong ba năm vừa qua công ty liên tục bị lỗ, số lỗ đang ngày càng sử dụng hết nguồn lợi nhuận để lại chưa phân phối của những năm trước, nên tổng nguồn vốn chủ sở hữu ngày càng bị thu hẹp, việc bảo tồn và phát triển nguồn vốn đang đứng trước những thách thức.

2. Tóm tắt tình hình biến động nhân sự trong năm như sau:

Trong năm 2016 bình quân số lượng lao động làm việc tại Công ty 283 người (giảm 47 người so với cùng kỳ năm ngoái). Quỹ tiền lương thực hiện trong năm toàn công ty là 25,5 tỷ đồng. Thu nhập bình quân người lao động hàng tháng trong năm 2016 là 7,51triệu đồng/ người/ tháng. So với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty thì mức chi phí tiền lương đã thể hiện sự nỗ lực của HĐQT, cũng như ban điều hành của công ty trong việc đảm bảo mức thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2016

3.1.Kết quả hoạt động SXKD năm 2016 theo BCTC Hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/(Giảm) 2016 sv 2015
Tổng doanh thu	363,34	263,94	(99,4)
Lợi nhuận trước thuế	(9,42)	(16,69)	(7,27)
Trích nộp ngân sách (thuế TNDN)	1,11	1,16	0,05
Lợi nhuận sau thuế	(10,53)	(17,84)	(7,31)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP vận tải và thuê tàu năm nay tiếp tục lỗ lớn do công ty mẹ hoạt động không hiệu quả. Quy mô hoạt động thu hẹp đáng kể qua chỉ tiêu doanh thu giảm sút hơn 99 tỷ đồng (mức giảm 27%) so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động công ty con tuy vẫn hiệu quả khi đạt lợi nhuận trước thuế trong kỳ hơn 2,4 tỷ đồng nhưng quy mô hoạt động đã thu hẹp đáng kể khi doanh thu năm nay chỉ đạt khoảng 21% so với năm ngoái.

3.2.Kết quả hoạt động SXKD tổng hợp năm 2016 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/(Giảm) 2016 sv 2015
Tổng doanh thu	261,60	221,59	(40,01)
Tổng giá vốn	260,44	240,49	(19,95)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,17	16,93	0,76
Lợi nhuận trước thuế	(14,8)	(12,22)	2,58

Tình hình kết quả kinh doanh trong năm 2016 của Công ty Cp Vận tải và Thuê tàu không hiệu quả, bị lỗ 12,22 tỷ đồng và là năm thứ ba bị lỗ liên tiếp. Xét về hoạt động kinh doanh chính doanh thu không đủ bù đắp chi phí trực tiếp thể hiện qua chỉ tiêu giá vốn cao hơn doanh thu, lợi nhuận gộp âm 18,9 tỷ. Tuy nhiên nhờ hoạt động tài chính và hoạt động khác lãi ròng nên thu hẹp được mức lỗ. Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm có cao hơn năm trước nhưng mức tăng không đáng kể.

3.3. Đánh giá kết quả kinh doanh cụ thể theo từng loại hình hoạt động của riêng Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trong năm 2016 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Doanh thu	Giá vốn/ Chi phí	Lợi nhuận gộp	Tỷ lệ LN/DT
Tổng	**259,17**	**254,47**	**4,70**	
Hoạt động vận tải biển	97,89	134,28	(36,39)	(37%)
Hoạt động Dịch vụ Giao nhận	66,27	63,33	2,94	4%
Hoạt động đại lý tàu	10,05	4,40	5,65	56%
Hoạt động vận tải đường bộ	1,63	2,41	(0,79)	(48%)
Hoạt động đại lý container	1,10	1,06	0,04	4%
Hoạt động kinh doanh kho bãi	36,07	29,77	6,31	17%
Hoạt động KD BĐS	8,58	5,25	3,34	39%
Hoạt động tài chính	33,04	13,76	19,28	58%
Hoạt động khác	4,54	0,22	4,32	95%
Chi phí quản lý doanh nghiệp		**16,93**		
Lợi nhuận			**-12,22**	

Hoạt động vận tải biển là hoạt động chính – chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu nhưng trong năm 2016 hoạt động này cũng là hoạt động gây lỗ cho toàn công ty với mức lỗ sâu gần 36,4 tỷ đồng. Công ty tiếp tục trong giao đoạn khó khăn chung của ngành vận tải biển, gây thiệt hại nặng nề cho công ty trong năm qua.

Hoạt động tài chính trong năm lãi ròng 19,28 tỷ đồng. Do trong năm nhận được lãi cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư và bán thoái vốn từ Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng.

3.4. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty và sổ sách kế toán:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán đưa ra với ý kiến chấp nhận toàn phần: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động trong năm 2016. Còn Báo cáo tài chính hợp nhất bị ngoại trừ ý kiến về vấn đề tăng tài sản kho trung chuyển hàng hóa của Công ty con chưa được quyết toán, còn một phần chi phí đang trả trước cho người bán chưa nghiệm thu hoàn thành.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành.

3.5. Một số chỉ tiêu đáng lưu ý trong báo cáo tài chính:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán, có một số điểm cần được lưu ý sau:

- *Tình hình công nợ khó thu hồi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong năm.*

Trong năm 2016, Văn phòng Công ty đã phải thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 691 triệu đồng đối với các đối tượng công nợ nợ đọng lâu năm đến nay vẫn chưa thu hồi được gồm: Công ty TNHH Tiếp Vận SAS Vũng Áng 414 triệu đồng; Công ty Protonic Shipping 257 triệu đồng và một số đối tượng nhỏ với giá trị 19 triệu đồng. Đây là khoản công nợ xuất hiện từ nhiều năm trước nhưng không được thu hồi kịp thời, công ty cần có các chính sách quản lý công nợ tốt hơn nhằm giảm thiểu tối đa các thất thoát tài sản như thế này.

- *Tình trạng Công nợ của tàu Thăng Long*

Trong báo cáo năm trước, BKS cũng đã đề cập đến vấn đề Tàu Thăng Long khi thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng cho khách hàng OCEAN ELEVEN nhưng có sự cố xảy ra tranh chấp giữa chủ hàng và khách hàng thuê tàu nên hàng chậm bốc dỡ, tàu bị lưu tại cảng hơn 6 tháng. Chi phí thuê tàu trong năm 2016 nhiều tháng chưa được khách hàng thanh toán, số dư nợ lên tới hơn 18,5 tỷ đồng (tương đương 815.328 USD). Cuối năm 2016, hai bên đã thống nhất thỏa thuận rằng: nếu Ocean Eleven thanh toán cho VFR 300.000 USD đúng thời hạn thì số nợ còn lại sẽ được xóa nợ. Đến ngày 30/03/2017 phía Ocean Eleven đã hoàn thành nghĩa vụ theo đúng cam kết, hai bên đã thực hiện thanh lý hợp đồng và xóa nợ 515.329 USD. Như vậy trong năm 2017 Công ty sẽ chính thức phải ghi nhận thiệt hại xóa nợ cho khách hàng này với số tiền ghi nhận trên sổ sách là 11,7 tỷ đồng. Đây là một thiệt hại tài chính to lớn cho công ty, đặc biệt là trong tình trạng khó khăn chung hiện nay của Công ty.

4. Tình hình tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Pháp luật của Nhà nước:

Trong năm 2016, Ban Kiểm Soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật. Công ty thực hiện chấp hành đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

5. Đánh giá công tác quản lý, điều hành đối với HĐQT và Ban giám đốc:

HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Ban Giám đốc thực hiện thi hành nghiêm túc các nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT, định hướng của Đại hội cổ đông.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý

Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Ban điều hành, các cán bộ quản lý trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát cũng như cử cán bộ làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu.

6. Kiến nghị

- Công ty cần nỗ lực hơn nữa trong công tác hoạt động kinh doanh để đem lại hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nỗ lực tái cơ cấu Công ty theo định hướng của Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất trong những năm qua nhằm đưa công ty vượt qua khó khăn,

đặc biệt là Đề án tái cơ cấu đội tàu.

- Đối với những lĩnh vực hoạt động có hiệu quả như kinh doanh Bất động sản, kinh doanh kho bãi, kinh doanh đại lý tàu…công ty cần nỗ lực khai thác hoạt động, tăng thu, giảm chi nhằm bù đắp một phần khó khăn cho hoạt động vận tải biển.
- Công ty tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định để đảm bảo hiệu quản hơn trong quản lý và hoạt động sản xuất. Các quy trình, quy định này sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống điều hành, kiểm soát và nâng cao hoạt động cho Công ty.
- Đối với công tác quyết toán kho trung chuyển hàng hóa ở Hưng Yên đề nghị Ban điều hành Công ty đôn đốc giải quyết hoàn thành nghiệm thu, quyết toán ngay trong năm nay để ghi nhận đầy đủ giá trị tài sản, cũng như không phải nêu nội dung ngoại trừ này trên báo cáo kiểm toán cho các kỳ sau.

7. Kết luận:

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu trong năm 2016, cũng như toàn bộ công tác hoạt động giám sát của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát xin cảm ơn HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban chuyên môn nghiệp vụ đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Xin trân trọng báo cáo tới các Quý cổ đông!

Thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, lời chào hạnh phúc và thịnh vượng !

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Nguyễn Hồng Diệu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 (đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 25 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Trần Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Thu Hằng	Ủy viên
Ông	Phạm Minh Đức	Ủy viên
Ông	Nguyễn Anh Minh	Ủy viên
Ông	Trần Bình Phú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Bình Phú	Tổng giám đốc	
Ông	Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	
Ông	Nguyễn Đăng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 22/09/2016)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Nguyễn Hồng Diệu	Trưởng ban
Ông	Lê Văn Chiến	Thành viên
Ông	Nguyễn Cáp Tiến Đạt	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIETFRACHT

Trần Bình Phú
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Số: 1347/2017/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được lập ngày 03 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của
Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 30/03/2016.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2013-002-1

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**101.856.545.123**	**127.935.849.630**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**37.410.640.937**	**77.351.899.537**
111	1. Tiền		21.533.120.937	35.203.899.537
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.877.520.000	42.148.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**49.015.525.536**	**44.748.607.613**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.204.209.512	11.477.916.868
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.370.135.911	24.097.743.875
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.538.886.785	9.579.523.798
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.097.706.672)	(406.576.928)
140	**IV. Hàng tồn kho**	9	**6.704.774.493**	**1.524.315.580**
141	1. Hàng tồn kho		6.704.774.493	1.524.315.580
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**8.725.604.157**	**4.311.026.900**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.932.776.752	1.281.287.250
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.552.713.637	2.788.797.359
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	240.113.768	240.942.291
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**374.656.883.410**	**421.721.724.261**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**1.054.651.000**	**1.060.441.000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.054.651.000	1.060.441.000
220	**II. Tài sản cố định**		**313.448.512.857**	**361.121.725.191**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	303.305.014.940	351.066.627.277
222	*- Nguyên giá*		*653.839.239.438*	*653.803.590.334*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(350.534.224.498)*	*(302.736.963.057)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	10.143.497.917	10.055.097.914
228	*- Nguyên giá*		*10.211.097.914*	*10.107.097.914*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(67.599.997)*	*(52.000.000)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**4.139.671.998**	**4.387.171.770**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.139.671.998	4.387.171.770
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	4	**42.254.262.496**	**50.445.469.200**
251	1. Đầu tư vào công ty con		27.600.000.000	35.466.400.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.479.069.200	6.479.069.200
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.465.714.320	8.500.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(290.521.024)	-
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**13.759.785.059**	**4.706.917.100**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	13.759.785.059	4.706.917.100
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**476.513.428.533**	**549.657.573.891**

Mẫu B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**261.643.296.732**	**322.562.940.687**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**131.325.775.020**	**125.006.820.933**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	37.606.192.198	28.354.853.680
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		157.548.424	331.049.853
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.243.439.301	7.262.500.054
314	4. Phải trả người lao động		3.889.227.702	10.423.678.186
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.865.578.835	2.996.923.898
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		389.026.330	410.860.726
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.130.513.365	6.432.335.817
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	73.022.316.974	68.772.775.668
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.931.891	21.843.051
330	**II. Nợ dài hạn**		**130.317.521.712**	**197.556.119.754**
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	5.874.828.086	5.830.409.200
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	124.442.693.626	191.725.710.554
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**214.870.131.801**	**227.094.633.204**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	19	**214.870.131.801**	**227.094.633.204**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		33.013.831.925	33.013.831.925
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.410.429.248	3.410.429.248
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		28.445.870.628	40.670.372.031
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*40.670.372.072*	*55.466.853.086*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*(12.224.501.444)*	*(14.796.481.055)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**476.513.428.533**	**549.657.573.891**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIETFRACHT

Lương Thị Hà	Đào Văn Hải	Trần Bình Phú
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Mẫu B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015 (Đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21	**221.591.042.181**	**261.606.889.391**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**221.591.042.181**	**261.606.889.391**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	22	**240.487.521.642**	**260.442.178.824**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**(18.896.479.461)**	**1.164.710.567**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	33.040.801.393	25.166.026.588
22	7. Chi phí tài chính	24	13.757.399.529	27.911.912.570
	23- Trong đó: Chi phí lãi vay		*9.235.703.120*	*11.392.501.632*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16.929.305.485	16.169.436.026
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(16.542.383.082)**	**(17.750.611.441)**
31	11. Thu nhập khác	26	4.539.981.262	4.150.320.231
32	12. Chi phí khác	27	222.099.624	1.196.189.845
40	**13. Lợi nhuận khác**		**4.317.881.638**	**2.954.130.386**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(12.224.501.444)**	**(14.796.481.055)**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(12.224.501.444)**	**(14.796.481.055)**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIETFRACHT

Lương Thị Hà	**Đào Văn Hải**	**Trần Bình Phú**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Mẫu B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*(12.224.501.444)*	*(14.796.481.055)*
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		47.812.861.438	48.238.123.974
03	- Các khoản dự phòng		981.650.768	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.491.187.716	14.799.872.629
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.579.372.074)	(21.097.907.156)
06	- Chi phí lãi vay		9.235.703.120	11.392.501.632
08	*3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*18.717.529.524*	*38.536.110.024*
9	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(9.483.480.846)	(2.808.695.654)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(5.180.458.913)	(1.524.315.580)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		944.753.321	(13.963.515.977)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(10.704.357.461)	8.920.350.058
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.415.620.793)	(11.906.540.928)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.400.000.000	51.372.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4.223.375.812)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(13.721.635.168)*	*13.081.388.131*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác		(37.500.000)	(559.150.190)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác		-	209.090.909
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.207.200.000	6.587.642.109
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.272.857.754	20.900.824.830
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*38.442.557.754*	*27.138.407.658*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(67.018.101.114)	(20.023.028.037)
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*(65.018.101.114)*	*(20.023.028.037)*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(40.297.178.528)**	**20.196.767.752**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**77.351.899.537**	**57.076.989.113**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		[illegible]	78.142.672
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**37.410.640.937**	**77.351.899.537**

Lương Thị Hà	Đào Văn Hải	Trần Bình Phú
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Mẫu B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 25 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000, tổng số cổ phần là 15.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần. Cổ phiếu của Công ty niêm yết trên sàn HNX với mã VFR.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100105937 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, một số ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế bao gồm dịch vụ chuyển hàng nặng và hàng trên 31.5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm , hàng mẫu, hàng hóa;
- Cung cấp các dịch vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhờn, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, địa lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hóa phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm do hoạt động kinh doanh vận tải biển tiếp tục gặp nhiều khó khăn dẫn tới doanh thu hoạt động vận tải biển giảm so với năm trước, đồng thời do thời gian neo đậu các tàu tại cảng lâu nên giá vốn hoạt động vận tải biển lớn hơn doanh thu dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 tiếp tục lỗ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11 đường Nguyễn Công Trứ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng dịch vụ chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao	

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế và có hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm Công ty đang thực hiện phân bổ theo thời hạn thuê và thời gian được bảo hiểm. Chi phí sửa chữa lớn tàu được phân bổ tối đa 30 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong nam. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản.
Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	206.052.075	715.744.160
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.327.068.862	34.488.155.377
Các khoản tương đương tiền (*)	15.877.520.000	42.148.000.000
	37.410.640.937	**77.351.899.537**

(*) Các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2016 là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam á-CN Láng Hạ với lãi suất 5,2%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu Khách hàng chi tiết theo Khách hàng có số dư lớn	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ocean Eleven Shipping Corp	18.507.958.539	2.233.543.800
Công ty TNHH MTV Jacobi Carbons Việt Nam	665.463.115	33.816.860
Công ty TNHH Panalpina world Transport Việt Nam	111.925.000	27.665.000
Công ty TNHH Nohhi Logistics	1.129.926.048	-
Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	925.076.161	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.863.860.649	9.182.891.208
	27.204.209.512	**11.477.916.868**

Mẫu B09 - DN

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	-	-	1.500.000.000	-
Eastern Car Liner	446.630.180	-	2.746.003.853	-
Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	3.284.159.478	-	1.285.437.430	-
Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	3.773.095.627	-	1.204.858.514	-
Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam	1.314.035.593	-	6.615.825.073	-
Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	882.748.175	-	882.748.175	-
Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	-	-	1.067.958.426	-
Các đối tượng khác	3.669.466.858	(277.108.724)	8.794.912.404	-
	13.370.135.911	**(277.108.724)**	**24.097.743.875**	**-**

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	-	5.229.333.970	-
Tiền ứng cho các thuyền viên	-	-	146.491.145	-
Tạm ứng	1.328.208.229	-	2.115.469.861	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	49.321.040	-
Phải thu khác:	2.981.344.586	-	2.038.907.782	-
- Trả hộ về phí dịch vụ cảng	*949.638.989*	-	*423.199.084*	-
- Phải thu khác	*2.031.705.597*	-	*1.615.708.698*	-
	9.538.886.785	**-**	**9.579.523.798**	**-**
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.054.651.000	-	1.060.441.000	-
	1.054.651.000	**-**	**1.060.441.000**	**-**

8. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	VND	VND	VND	VND
Công ty Orion Hamel	174.560.896	-	174.560.896	-
Công ty TNHH Vận tải biển Liên Hợp	40.792.800	-	40.792.800	-

Mẫu B09 - DN

8 . NỢ XẤU (Tiếp theo)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Hong Myung	10.198.200	-	10.198.200	-
Công ty TNHH Nanokovi	29.574.780	-	29.574.780	-
Công ty CP An Xuyên	52.170.740	-	52.170.740	-
CN Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam	99.279.512	-	99.279.512	-
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Áng	414.021.020	-	414.021.020	414.021.020
Công ty Protonic Shipping	257.720.000	-	257.720.000	257.720.000
Các đối tượng khác	19.388.724	-	19.388.724	19.388.724
	1.097.706.672	**-**	**1.097.706.672**	**691.129.744**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.809.977.463	-	1.524.315.580	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	894.797.030	-	-	-
	6.704.774.493	**-**	**1.524.315.580**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Nhà điều hành và Kho bãi Cái Lân Quảng Ninh (*)	4.139.671.998	4.139.672.007
Dự án khác	-	247.499.763
	4.139.671.998	**4.387.171.770**

(*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và Kho bãi Cái Lân trên lô đất thuộc phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho Công ty. Tại thời điểm 31/12/2016 dự án đang tạm dừng triển khai.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 02

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	10.055.097.914	52.000.000	10.107.097.914
- Mua trong năm	-	*104.000.000*	*104.000.000*
Số dư cuối	**10.055.097.914**	**156.000.000**	**10.211.097.914**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	52.000.000	52.000.000
- Khấu hao trong năm	-	*15.599.997*	*15.599.997*
Số dư cuối	**-**	**67.599.997**	**67.599.997**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.055.097.914	-	10.055.097.914
Tại ngày cuối năm	**10.055.097.914**	**88.400.003**	**10.143.497.917**

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất đang được sử dụng làm văn phòng và kho bãi cho thuê có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xác định thời hạn và không trích khấu hao.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.000.000 VND

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	34.000.179	14.681.819
Chi phí tiền ăn các tàu	453.379.250	-
Chi phí bảo hiểm	1.660.519.147	1.221.870.184
Chi phí đăng kiểm	72.426.293	-
Các khoản khác	712.451.883	44.735.247
	2.932.776.752	**1.281.287.250**
b) Dài hạn		
Chi phí cấp vật tư tàu Thăng Long	2.283.264.031	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Thăng Long	7.337.549.609	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Blue - Lotus	927.657.987	4.706.917.100
Chi phí sửa chữa lớn tàu VF Glory	2.555.473.100	-
Các khoản khác	655.840.332	-
	13.759.785.059	**4.706.917.100**

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 03

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Tân cảng Cái Mép	6.847.311.703	6.847.311.703	5.909.592.898	5.909.592.898
Công ty TNHH Vận tải Trọng Hiếu	863.533.000	863.533.000	838.120.000	838.120.000

Mẫu B09 - DN

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (Tiếp theo)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Raffles Shipmanagement Services PTE,. Ltd	1.352.314.299	1.352.314.299	2.310.051.182	2.310.051.182
Công ty Liên doanh Bông Sen (Lotus)	1.007.091.732	1.007.091.732	1.233.889.467	1.233.889.467
ECL (Singapore) PTE,. Ltd	637.941.036	637.941.036	3.590.486.032	3.590.486.032
Tổng Công ty hoá dầu Petrolimex - CTCP	2.191.391.708	2.191.391.708	617.735.800	617.735.800
Ocean Energy Kingstow,. Ltd	3.366.716.460	3.366.716.460	-	-
Bison Express B.V/Vroon Ship Managenemt	204.772.272	204.772.272	118.903.764	118.903.764
Công ty TNHH SXTM&DV Tân Hiệp	869.980.767	869.980.767	984.375.233	984.375.233
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.664.371.956	1.664.371.956	-	-
Công ty TNHH MTDV Thái Nhật Minh	745.602.000	745.602.000	-	-
Công ty TNHH MTDV Đầu tư Quốc tế Châu Á	641.223.000	641.223.000	-	-
Phải trả đối tượng khác	17.213.942.265	17.213.942.265	12.751.699.304	12.751.699.304
	37.606.192.198	**37.606.192.198**	**28.354.853.680**	**28.354.853.680**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 04

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	502.495.610	682.413.283
Chi phí sửa chữa tàu Thăng Long	1.497.886.912	-
Trích trước chi phí khác	1.865.196.313	2.314.510.615
	3.865.578.835	**2.996.923.898**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	200.778.685	272.525.682
Bảo hiểm xã hội	200.592.063	25.120.297
Bảo hiểm y tế	29.319.385	315.246.842
Bảo hiểm thất nghiệp	12.820.680	31.967.374
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	595.536.000	-

Mẫu B09 - DN

18 . PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.091.466.552	5.787.475.622
- *Phải trả các hãng tàu*	*1.057.114.632*	*1.896.447.007*
- *Phải trả Xí nghiệp Mol Vina Hồ Chí Minh*	*1.371.639.899*	*1.371.639.899*
- *Phải trả về chi hộ chi phí hải quan*	*1.999.286.856*	-
- *Phải trả khác*	*663.425.165*	*2.519.388.716*
	6.130.513.365	**6.432.335.817**
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	768.283.200	1.600.409.200
Phải trả Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO về hợp tác đầu tư dự án Kho bãi Cái Lân (Chi tiết Thuyết minh 10)	4.230.000.000	4.230.000.000
Lãi phải trả từ số tiền nhận góp vốn dự án Kho bãi Cái Lân	876.544.886	-
	5.874.828.086	**5.830.409.200**

19 .VỐN CHỦ SỞ HỮU

a)Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 05

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Dương Thị Huệ	28.576.000.000	19,05	28.576.000.000	19,05
Vũ Thị Hạnh	25.038.190.000	16,69	25.038.190.000	16,69
Đỗ Thị Huyền Thanh	20.865.160.000	13,91	20.865.160.000	13,91
Các cổ đông khác	75.520.650.000	50,35	75.520.650.000	50,35
	150.000.000.000	**100,00**	**150.000.000.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*150.000.000.000*	*150.000.000.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	-
- *Vốn góp giảm trong năm*	-	-
- *Vốn góp cuối năm*	*150.000.000.000*	*150.000.000.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.000.000*	*15.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*15.000.000*	*15.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ 1 cổ phiếu)	10.000	10.000

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	33.013.831.925	33.013.831.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.410.429.248	3.410.429.248
	36.424.261.173	**36.424.261.173**

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	31/12/2016	01/01/2016
- Đô la Mỹ (USD)	592.847,60	2.759.760,73

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu vận tải biển	97.888.657.891	104.761.653.768
Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	66.551.105.832	90.388.098.673
Doanh thu cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	36.074.093.111	45.549.569.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	21.077.185.347	20.907.567.093
	221.591.042.181	**261.606.889.391**

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn vận tải biển	134.639.935.333	124.406.267.715
Giá vốn của dịch vụ giao nhận vận tải	63.327.005.025	82.749.782.949
Giá vốn của dịch vụ kinh doanh kho bãi	29.693.426.388	39.073.380.835
Giá vốn của dịch vụ khác	12.827.154.896	14.212.747.325
	240.487.521.642	**260.442.178.824**

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	250.277.340	803.888.517
Lãi bán các khoản đầu tư	7.306.514.320	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.022.580.414	20.093.650.202
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.461.429.319	4.268.487.869
	33.040.801.393	**25.166.026.588**

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	9.235.703.120	11.392.501.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	739.987.669	1.719.538.309
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.491.187.716	14.799.872.629
Dự phòng tổn thất đầu tư	290.521.024	-
	13.757.399.529	**27.911.912.570**

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.752.760	-
Chi phí nhân công	7.399.644.202	7.872.272.712
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.321.167.446	301.055.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.125.188	1.021.233.185
Chi phí dự phòng	691.129.744	-
Thuế, phí, và lệ phí	31.511.650	7.045.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.027.581.563	4.117.898.034
Chi phí khác bằng tiền	1.368.392.932	2.849.930.314
	16.929.305.485	**16.169.436.026**

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định Thu	-	209.090.909
về tiền bồi thường bảo hiểm	3.622.171.974	2.660.082.276
Thu nhập từ xử lý công nợ không có nghĩa vụ thanh toán Thu	618.963.753	-
nhập khác	298.845.535	1.281.147.046
	4.539.981.262	**4.150.320.231**

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí khắc phục sự cố tàu	-	1.089.372.926
Chi phí khác	222.099.624	106.816.919
	222.099.624	**1.196.189.845**

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(12.224.501.444)	(14.796.481.055)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.002.704.604	-
- Chi phí không hợp lệ	*1.002.704.604*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(23.022.580.414)	(20.093.650.202)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(23.022.580.414)*	(20.093.650.202)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(34.244.377.254)	(34.890.131.257)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(219.812.242)	(219.812.242)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính	**(219.812.242)**	**(219.812.242)**

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.766.971.354	27.530.763.951
Chi phí nhân công	36.724.596.688	40.977.645.981
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.812.861.438	48.238.123.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.722.612.417	105.419.559.000
Chi phí khác bằng tiền	13.284.582.260	54.445.521.944
	258.311.624.157	**276.611.614.850**

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.410.640.937	-	77.351.899.537	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.797.747.297	(820.597.948)	22.117.881.666	(406.576.928)
Đầu tư dài hạn	8.465.714.320	-	8.500.000.000	-
Cộng	**83.674.102.554**	**(820.597.948)**	**107.969.781.203**	**(406.576.928)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	197.465.010.600	260.498.486.222
Phải trả người bán, phải trả khác	49.611.533.649	40.617.598.697
Chi phí phải trả	3.865.578.835	2.996.923.898
Cộng	**250.942.123.084**	**304.113.008.817**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.410.640.937	-	37.410.640.937
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.922.498.349	1.054.651.000	36.977.149.349
Đầu tư dài hạn	-	8.465.714.320	8.465.714.320
	73.333.139.286	**9.520.365.320**	**82.853.504.606**
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.351.899.537	-	77.351.899.537
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.650.863.738	1.060.441.000	21.711.304.738
Đầu tư dài hạn	-	8.500.000.000	8.500.000.000
	98.002.763.275	**9.560.441.000**	**107.563.204.275**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Mẫu B09 - DN

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	73.022.316.974	124.442.693.626	-	197.465.010.600
Phải trả người bán, phải trả khác	43.736.705.563	5.874.828.086	-	49.611.533.649
Chi phí phải trả	3.865.578.835	-	-	3.865.578.835
	120.624.601.372	**130.317.521.712**	**-**	**250.942.123.084**
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	68.772.775.668	182.379.969.324	9.345.741.230	260.498.486.222
Phải trả người bán, phải trả khác	34.787.189.497	5.830.409.200	-	40.617.598.697
Chi phí phải trả	2.996.923.898	-	-	2.996.923.898
	106.556.889.063	**188.210.378.524**	**9.345.741.230**	**304.113.008.817**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:
Xem chi tiết Phụ lục 06.

Theo khu vực địa lý:

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	113.868.730.729	107.722.311.452	221.591.042.181
Tài sản bộ phận	165.261.534.638	311.251.893.895	476.513.428.533
Tổng chi phí mua tài sản cố định	104.000.000	-	104.000.000

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán.

Mẫu B09 - DN

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch	Ghi chú
	VND	VND	VND	VND	VND
Bảng Cân đối kế toán riêng					
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.579.523.798	10.639.964.798	(1.060.441.000)	[1]
Phải thu dài hạn khác	216	1.060.441.000	-	1.060.441.000	[1]
Phải trả ngắn hạn khác	319	6.432.335.817	11.712.739.017	(5.280.403.200)	[2]
Phải trả dài hạn khác	337	5.830.409.200	550.006.000	5.280.403.200	[2]
b) Báo cáo Kết quả kinh doanh riêng					
Giá vốn hàng bán	11	260.442.178.824	267.919.223.578	(7.477.044.754)	[3]
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	16.169.436.026	8.692.391.272	7.477.044.754	[3]

Ghi chú

Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số nghiệp vụ sau:

[1] Phân loại khoản đi ký quỹ ký cược ngắn hạn sang dài hạn

[2] Phân loại khoản nhận ký quỹ, ký cược và khoản nhận vốn góp hợp tác đầu tư vào dự án Nhà điều hành và Kho bãi Cái Lân Quảng Ninh từ ngắn hạn sang dài hạn

[3] Phân loại lại chi phí quản lý doanh nghiệp đang được trình bày vào giá vốn hàng bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIETFRACHT

Lương Thị Hà	**Đào Văn Hải**	**Trần Bình Phú**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	***27.600.000.000***	-	***35.466.400.000***	-
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	-	-	7.866.400.000	-
- Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	***6.479.069.200***	***(290.521.024)***	***6.479.069.200***	-
- Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	2.626.500.000	-	2.626.500.000	-
- Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	1.534.595.200	-	1.534.595.200	-
- Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	397.974.000	-	397.974.000	-
- Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam	1.440.000.000	(290.521.024)	1.440.000.000	-
- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	480.000.000	-	480.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	***8.465.714.320***	-	***8.500.000.000***	-
- Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	3.965.714.320	-	4.000.000.000	-
- Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
	42.544.783.520	**(290.521.024)**	**50.445.469.200**	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Hưng Yên	94,39%	94,39%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải.

Phụ lục 01: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty con

Trong năm Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư vào Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 64/2016/NQ-HĐQT ngày 06/10/2016 về việc thông qua chủ trương thoái toàn bộ vốn góp tại công ty con này

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Vận tải Tân Cảng Asaco	Hồ Chí Minh	34.00%	34.00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức.
- Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Hà Nội	49.00%	49.00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục.
- Công ty TNHH Liên doanh Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	25.00%	25.00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, giao nhận.
- Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam	Hồ Chí Minh	30.00%	30.00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container.
- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Hồ Chí Minh	20.00%	20.00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container.

Phụ lục 02: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	49.623.777.383	311.969.429	602.317.504.022	1.447.482.357	102.857.143	653.803.590.334
Số tăng trong năm	35.649.104	-	-	-	-	35.649.104
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*35.649.104*	-	-	-	-	*35.649.104*
Số dư cuối năm	**49.659.426.487**	**311.969.429**	**602.317.504.022**	**1.447.482.357**	**102.857.143**	**653.839.239.438**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.309.820.089	311.969.429	280.980.465.275	1.031.851.121	102.857.143	302.736.963.057
Số tăng trong năm	2.275.040.919	-	45.359.974.458	162.246.064	-	47.797.261.441
- Khấu hao trong năm	*2.275.040.919*	-	*45.359.974.458*	*162.246.064*	-	*47.797.261.441*
Số dư cuối năm	**22.584.861.008**	**311.969.429**	**326.340.439.733**	**1.194.097.185**	**102.857.143**	**350.534.224.498**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	29.313.957.294	-	321.337.038.747	415.631.236	-	351.066.627.277
Tại ngày cuối năm	**27.074.565.479**	-	**275.977.064.289**	**253.385.172**	-	**303.305.014.940**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 272.296.758.262 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 22.571.119.207 VND

Phụ lục 03 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Kho vận Vietrach Hưng Yên	-	-	*2.000.000.000*	-	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	68.772.775.668	68.772.775.668	69.267.642.420	67.018.101.114	71.022.316.974	71.022.316.974
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)	*33.782.904.882*	*33.782.904.882*	*34.029.851.554*	*33.570.485.712*	*34.242.270.724*	*34.242.270.724*
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	*19.042.761.567*	*19.042.761.567*	*19.221.846.834*	*17.622.866.729*	*20.641.741.672*	*20.641.741.672*
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)	*15.947.109.219*	*15.947.109.219*	*16.015.944.032*	*15.824.748.673*	*16.138.304.578*	*16.138.304.578*
	68.772.775.668	**68.772.775.668**	**71.267.642.420**	**67.018.101.114**	**73.022.316.974**	**73.022.316.974**
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)	76.011.536.210	76.011.536.210	361.788.135	33.570.485.712	42.802.838.633	42.802.838.633
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	104.751.404.817	104.751.404.817	980.416.477	17.622.866.729	88.108.954.565	88.108.954.565
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)	79.735.545.195	79.735.545.195	642.420.880	15.824.748.673	64.553.217.402	64.553.217.402
	260.498.486.222	**260.498.486.222**	**1.984.625.492**	**67.018.101.114**	**195.465.010.600**	**195.465.010.600**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	**(68.772.775.668)**	**(68.772.775.668)**	**(69.267.642.420)**	**(67.018.101.114)**	**(71.022.316.974)**	**(71.022.316.974)**
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**191.725.710.554**	**191.725.710.554**			**124.442.693.626**	**124.442.693.626**

Phụ lục 03: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Khoản vay Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên theo hợp đồng vay số 01/2016/HĐVV/VFRHN ngày 30 tháng 09 năm 2016 có thời hạn 1 năm lãi suất 5.2%/năm; mục đích vay phục vụ nhu cầu tài chính, hoạt động kinh doanh. Hình thức đảm bảo là tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 103/MSBHCM - VFR ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Phụ lục hợp đồng số 103.01/2013-PL.HDTD ngày 02 tháng 07 năm 2013. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 2%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.000 DWT (Tàu Vietfracht Glory), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư ngoại tệ ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.876.494,46 USD (tương đương 42.802.838.633 VND), trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 1.501.195,56 USD (tương đương 34.242.270.724 VND).

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HDDTDDDH/PGB-HO ngày 09 tháng 06 năm 2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12 tháng 11 năm 2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất 5.5%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue - Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư ngoại tệ ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.866.123,50 USD (tương đương 88.108.954.565 VND), trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 905.736,8 USD (tương đương 20.641.741.672

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTC/PGB-HO ngày 05 tháng 10 năm 2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12 tháng 11 năm 2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất 3.95%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư ngoại tệ ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.832.523,80 USD
(tương đương 64.553.217.402 VND), trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 708.130,96 USD (tương đương 16.138.304.578 VND).

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016		01/01/2016	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Công ty con	2.000.000.000	26.577.778	-	-
		2.000.000.000	**26.577.778**	-	-

Phụ lục 04 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	255.121.363	3.064.537.745	2.995.180.884	-	322.478.224
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	20.301.526	-	-	-	20.301.526	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	219.812.242	-	-	-	219.812.242	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.616.185.674	(194.567.299)	931.099.093	-	490.519.282
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	722.559.434	705.183.434	-	17.376.000
- Các loại thuế khác	828.523	5.393.193.017	482.921.120	496.888.296	-	5.378.397.318
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	34.668.477	-	-	34.668.477
	240.942.291	**7.262.500.054**	**4.110.119.477**	**5.128.351.707**	**240.113.768**	**6.243.439.301**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 05 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**150.000.000.000**	**33.013.831.925**	**3.410.429.248**	**55.466.853.086**	**241.891.114.259**
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(14.796.481.055)	(14.796.481.055)
Số dư cuối năm trước	**150.000.000.000**	**33.013.831.925**	**3.410.429.248**	**40.670.372.031**	**227.094.633.204**
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(12.224.501.444)	(12.224.501.444)
Tăng khác	-	-	-	41	41
Số dư cuối năm nay	**150.000.000.000**	**33.013.831.925**	**3.410.429.248**	**28.445.870.628**	**214.870.131.801**

Phụ lục 06 : BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động giao nhận vận tải	Hoạt động kinh doanh kho bãi	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	97.888.657.891	66.551.105.832	36.074.093.111	21.077.185.347	221.591.042.181
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**(36.751.277.442)**	**3.224.100.807**	**6.380.666.723**	**8.250.030.451**	**(18.896.479.461)**
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	104.000.000	104.000.000
Tài sản bộ phận	311.251.893.895	15.927.358.297	12.943.151.311	15.476.309.864	355.598.713.367
Tài sản không phân bổ					120.914.715.166
Tổng tài sản	**311.251.893.895**	**15.927.358.297**	**12.943.151.311**	**15.476.309.864**	**476.513.428.533**
Nợ phải trả của các bộ phận	196.962.897.512	12.213.315.019	2.215.847.299	389.026.330	211.781.086.160
Nợ phải trả không phân bổ					49.862.210.572
Tổng nợ phải trả	**196.962.897.512**	**12.213.315.019**	**2.215.847.299**	**389.026.330**	**261.643.296.732**

CƠ CẤU LÃNH ĐẠO CÔNG TY 2016

CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội Đồng quản trị - Bà Nguyễn Thị Phượng

Sinh ngày 25 tháng 8 năm 1977, Cử nhân kinh tế, từ năm 2000 đến năm 2008 Bà làm Kế toán viên tại Công ty TNHH Thung Lũng Vua, từ năm 2009 đến năm 2015 Bà giữ chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Đầu tư tài chính và TM Vạn Lộc, từ năm 2016 đến nay Bà đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH đầu tư tài chính và TM Vạn Lộc, từ ngày 9 tháng 1 năm 2017 đến nay Bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - *Bà Trần Thị Tuyết Nhung*

Sinh ngày 17/2/1973, Thạc sỹ kinh tế, từ năm 1998 đến năm 2011 Bà công tác tại Công Ty Honda Việt Nam, từ năm 2012 đến nay Bà giữ chức vụ Giám đốc Khối Phát triển kinh doanh – Công ty CP Tập đoàn BRG, từ tháng 9 năm 2015 đến ngày 9 tháng 1 năm 2017 Bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp)

1. Ủy viên Hội đồng quản trị - *Bà Nguyễn Thị Thu Hằng*

Sinh ngày 03/04/1971, Cử nhân ngoại ngữ, từ năm 1994 đến năm 2010 Bà công tác tại Công ty EXE Corporation (Nhật Bản), từ năm 2010 đến nay, Bà giữ chức vụ Giám đốc Khối Hành chính – Nhân sự tại Công ty CP Tập đoàn BRG, từ tháng 9 năm 2015 đến nay Bà đảm nhiệm chức vụ Ủy viên Hội Đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

2. Ủy viên Hội đồng quản trị - *Ông Phạm Minh Đức*

Sinh ngày 07/06/1981, Thạc sỹ Luật, từ năm 2003 đến năm 2008 Ông là Chuyên viên – Bộ Bưu chính Viễn Thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông), từ năm 2008 đến năm 2011 Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Luật SMIC, từ năm 2011 đến năm 2013 Ông là Luật sư – Tập đoàn An Viên, từ năm 2013 đến nay Ông phụ trách pháp chế - Tập đoàn BRG, từ tháng 9 năm 2015 tới nay Ông giữ chức vụ Ủy viên Hội Đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), từ tháng 3 năm 2016 tới nay Ông kiêm nhiệm chức vụ Thư ký HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

3. Ủy viên Hội đồng quản trị - *Ông Trần Bình Phú*

Sinh ngày 21/02/1960, cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht). Từ tháng 6 năm 2014 đến nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

Số CP đại diện nắm giữ: 1.185.000; Số CP sở hữu cá nhân: 4.200
Tổng số CP nắm giữ: 1.189.200

1. Ủy viên Hội đồng quản trị - *Bà Vũ Thị Kim Thanh*

Sinh ngày 05/03/1974, cử nhân kinh tế, từ năm 2000 đến năm 2008 Bà lần lượt giữ chức vụ Kế toán tại Công ty xây lắp và SX công nghiệp và Công ty TNHH Thung lũng Vua, từ năm 2008 đến năm 2015 Bà đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Kim Ngọc, từ năm 2015 đến nay Bà giữ chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ Kim Ngân, từ ngày 5 tháng 1 năm 2017 tới nay Bà giữ chức vụ Ủy viên Hội Đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 1.507.900; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 1.507.900

2. Ủy viên Hội đồng quản trị - *Ông Nguyễn Anh Minh*

Sinh ngày 25/08/1979, Luật sư, từ năm 2002 đến năm 2007 Ông công tác tại Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, từ năm 2008 đến năm 2010 Ông là Luật sư – Công ty Luật Polverini Strnad, từ năm 2010 đến năm 2015 Ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Quan hệ chính quyền – Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN, từ năm 2015 đến nay, Ông giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh – Tập đoàn BRG, từ tháng 9 năm 2015 đến ngày 5 tháng 1 năm 2017 Ông giữ chức vụ Ủy viên Hội Đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng Ban kiểm soát – *Bà Nguyễn Hồng Diệu*

Sinh ngày 26/11/1983, Cử nhân kinh tế, từ năm 2005 đến năm 2011 Bà là nhân viên Công ty TNHH Kiểm toán AASC, từ năm 2011 đến nay Bà là Chuyên viên kiểm soát nội bộ – Công ty CP Tập đoàn BRG, từ tháng 9 năm 2015 tới ngày 29 tháng 6 năm 2016 Bà kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu – Vietfracht, từ ngày 29 tháng 6 năm 2016 bà đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu – Vietfracht.

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

2. Ủy viên Ban kiểm soát - *Ông Lê Văn Chiến*

Sinh ngày 30/05/1977, Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán tài chính, từ năm 1997 đến năm 2012 Ông là Kế toán trưởng / Phó giám đốc – Công ty TNHH MTV Dây và Cáp điện Elmaco, từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 12 năm 2013 Ông là Phó phòng KSNB – Tập đoàn BRG, từ năm 2013 đến năm 2014 Ông là Kế toán trưởng – Công ty CP Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội – Tập đoàn BRG, từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 2 năm 2016 Ông là Kế toán trưởng – Công ty CP Intimex Việt Nam, từ tháng 3 năm 2016 đến nay Ông là Kế toán trưởng của Công ty CP Du lịch Dịch vụ Dầu khí (OSC VN), từ tháng 9 năm 2015 tới ngày 29 tháng 6 năm 2016 Ông giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu – Vietfracht, từ ngày 29 tháng 6 năm 2016 ông đảm nhiệm chức vụ Ủy viên Ban Kiểm soát - Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu – Vietfracht.

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

3. Ủy viên Ban kiểm soát - *Ông Nguyễn Cáp Tiến Dạt*

Sinh ngày 15/12/1988, Cử nhân kinh tế, từ năm 2010 đến tháng 8 năm 2015 Ông là Trợ lý Kiểm toán – Công ty TNHH Nhân tâm Việt, từ tháng 9 năm 2015 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ – Tập đoàn BRG, từ ngày 29 tháng 6 năm 2016 tới nay Ông kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu - Vietfracht.

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

4. Ủy viên Ban kiểm soát - *Ông Tô Minh Quang*

Sinh ngày 02/12/1966, kỹ sư Công nghệ thông tin, kế toán - ĐH Bách Khoa HN, từ năm 1988 đến năm 1993 Ông là thuyền viên, cán bộ các phòng Hành chính Quản trị, Phòng Tổng Hợp, Phòng Kế toán tài vụ của Công ty, từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Trưởng phòng Đầu Tư & Phát triển, từ tháng 7 năm 2012 đến ngày Ông giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Đầu tư và Phát triển Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), từ ngày 5 tháng 6 năm 2014 đến ngày 29 tháng 6 năm 2016 Ông kiêm nhiệm chức vụ Ủy viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Vận tải và Thuê Tàu - Vietfracht.

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tổng Giám Đốc - *Ông Trần Bình Phú*

Sinh ngày 21/02/1960 cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốck iêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht). Từ tháng 6 năm 2014 đến nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

Số CP đại diện nắm giữ: 1.185.000; Số CP sở hữu cá nhân: 4.200; Tổng số CP nắm giữ: 1189.200

2. Phó Tổng Giám Đốc - *Ông Lê Văn Thành*

Sinh ngày 10/05/1963 kỹ sư Hàng Hải ngành điều khiển tàu biển, từ năm 1987 đến năm 2005 Ông giữ các chức vụ Thủy thủ, Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển Vietfracht, từ năm 2005 đến năm 2011 Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chuyên viên phòng Vận tải biển, phó trưởng phòng Vận tải biển, Phó trưởng phòng Quản lý tàu, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Vận tải biển và Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Vận tải biển, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 500; Tổng số CP nắm giữ: 500

3. Phó Tổng Giám Đốc - *Ông Nguyễn Thành Luyện*

Sinh ngày 01/07/1959 Thạc sỹ kinh tế Ngoại thương, từ năm 1980 đến năm 2004 Ông làm chuyên viên tại các phòng quản lý và nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 1 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng QLĐTXD, Phụ trách phòng QLĐTXD, Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

4. Phó Tổng Giám Đốc - *Ông Nguyễn Đăng Đạt*

Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1972, Cử nhân kinh tế Đại học Hàng Hải, từ năm 1998 đến năm 2003 Ông giữ chức vụ Trưởng Phòng Khai Thác Công ty VTB Strait Shipping – Tập đoàn Keepel Singapore, từ năm 2003 đến năm 2016 Ông lần lượt đảm nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Khai Thác và Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng tại Công ty Vận tải biển Heung-A Shipping Hàn Quốc tại Việt Nam, từ ngày 22 tháng 9 năm 2016 Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp)

5. Phó Tổng Giám Đốc - Ông Nghiêm Minh Tiến

Sinh ngày 10/06/1959 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh UBI – Brusel, Bỉ, cử nhân kinh tế Ngoại Thương,cử nhân luật ĐH Luật HN, từ năm 1981 đến năm 1989 Ông tham gia lực lượng vũ trang, từ năm 1989 đến năm 1992 Ông làm Trưởng phòng XNK Công ty Đầu tư Hà Nội, từ năm 1992 đến năm 1998 Ông làm Cán bộ phòng Đại lý HAS – VFHCM và đảm nhiệm chức vụ Phó Phòng đại lý HAS – VFHCM, từ năm 1998 đến tháng 8 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Đại lý SSPL, Phó Giám đốc chi nhánh VFHCM, Giám đốc chi nhánh VFHCM, từ tháng 9 năm 2011 đến ngày 15 tháng 2 năm 2017 Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

---

6. Phó Tổng Giám Đốc - *Ông Vũ Anh Tú*

Sinh ngày 29/09/1957 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1979 đến năm 1989 Ông làm cán bộ phòng Nghiệp vụ XNK Cty GNKV Ngoại thương Hải Phòng, từ năm 1989 đến năm 1995 Ông là cán bộ Chi nhánh Công ty Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng, từ năm 1996 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Trưởng phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Phó GĐ chi nhánh VFHP, Giám đốc chi nhánh VFHP, từ tháng 9 năm 2011 đến ngày 22 tháng 9 năm 2016 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu (Vietfrach).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 2.500; Tổng số CP nắm giữ: 2.500

---

7. Kế toán trưởng – Ông Đào Nguyên Dặng

Sinh ngày 5 tháng 2 năm 1982, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, từ năm 2005 đến năm 2007 Ông giữ chức vụ KTT CN Công ty CP Xây dựng Hồng Hà dầu khí, từ năm 2007 đến năm 2016 Ông đảm nhiệm Chức vụ Kế toán trưởng XN, Phó Giám đốc Công ty Thành viên Công ty Đầu tư và phát triển Hà Nội, từ ngày 6 tháng 3 năm 2017 đến nay Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

---

5. Kế toán trưởng - Ông Đào Văn Hải

Sinh ngày 11 tháng 8 năm 1976, cử nhân kinh tế Thương Mại – chuyên ngành Kế toán tài chính, từ năm 2000 đến năm 2015 Ông làm việc tại Công ty Xăng dầu Khu vực 1 và lần lượt giữ các chức vụ Kế toán viên, Kế toán tổng hợp, Phó P. KT, từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012 Ông giữ chức vụ Trưởng Phòng Kế toán Công ty Bảo hiểm PJICO Ninh Bình, từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 10 năm 2016 Ông đảm nhiệm chức vụ Kế toán Trưởng tại Hòa Bình Group, từ tháng 10 năm 2016 đến ngày 6 tháng 3 năm 2017 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

---

5. Kế toán trưởng - Bà Dỗ Thị Hoài Hương

Sinh ngày 21/06/1974 Cử nhân Kế toán Tổng hợp - Thạc sỹ Quản trị, từ năm 1998 đến năm 2002 Bà làm Kế toán viên tại Công ty TNHH dầu thực vật Cái lân, từ năm 2002 đến năm 2010 Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng của các Công ty: Công ty Cổ Phần TMDV Đại Tây Dương, Công Ty TNHH Giấy Tisu, Chi nhánh Công ty TNHH TMDV Phố 24 tại Hà Nội, từ năm 2011 đến năm 2015 Bà đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty TNHH chăm sóc sức khỏe Việt Nam, từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 1 tháng 10 năm 2016 Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện nắm giữ: 0; Số CP sở hữu cá nhân: 0; Tổng số CP nắm giữ: 0

QUYỀN LỢI CỦA HĐQT và BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Qui chế trả lương như sau:

Hệ số lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN

- Ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc: Bậc 1/2 - Hệ số 6,64
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31 (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2017).
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,31 (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2016).

Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:

- Ông Trần Bình Phú – Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 12,00
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Đăng Đạt – Phó Tổng Giám đốc: 16.500.000 đồng
- Ông Đào Nguyên Đặng – Kế toán trưởng: 10.000.000 đồng
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00 (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2017).
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00 (Miễn nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2016).
- Ông Đào Văn Hải – Kế toán trưởng: 15.225.000 đồng (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)
- Bà Đỗ Thị Hoài Hương – Kế toán trưởng: Bậc 1/2 – Hệ số 9,5 (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016).

Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NĂM 2016

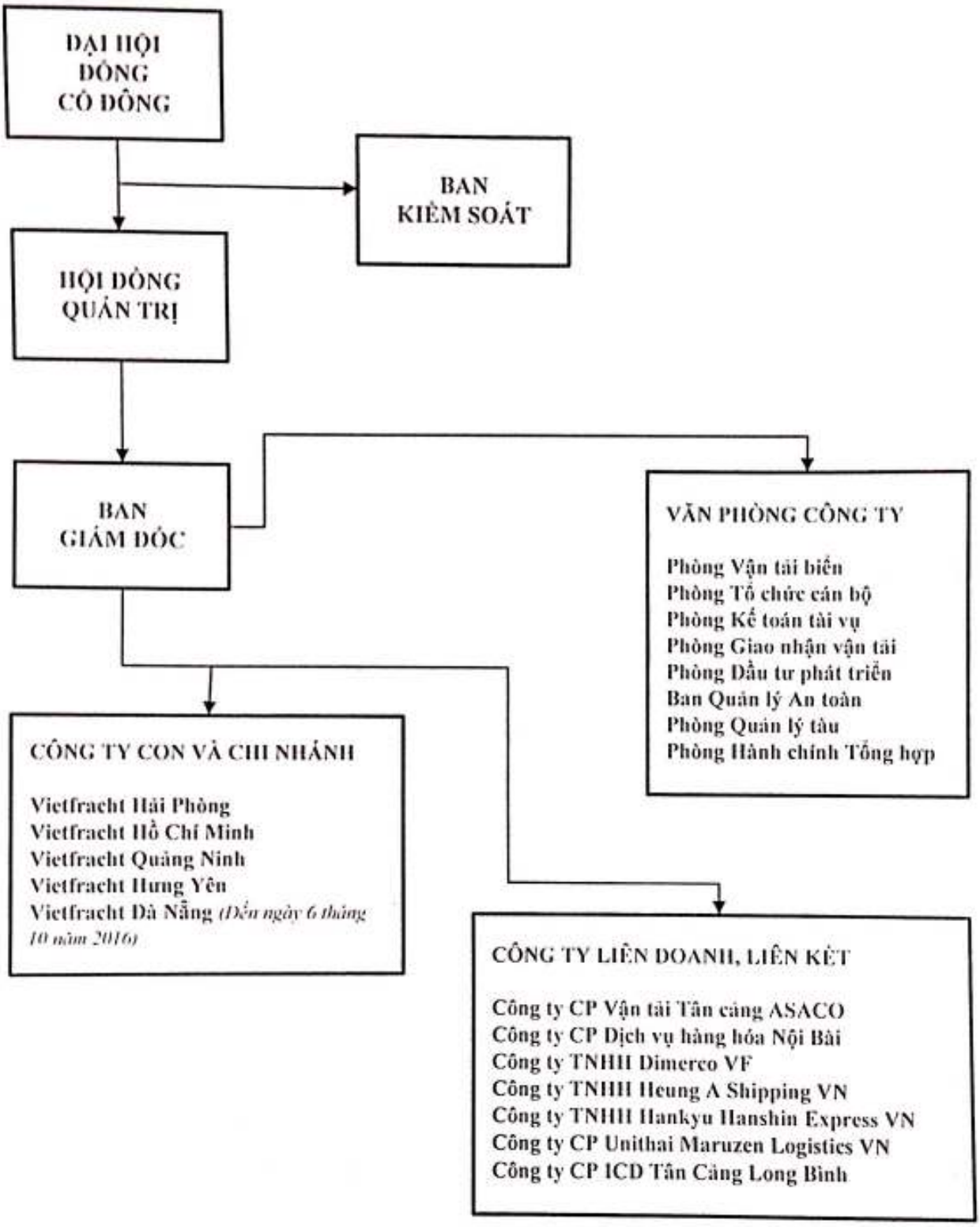

CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trình độ	Số lượng
Trên Đại học	08
Đại học	140
Khác	160
Tổng số	**308**

Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầu đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng dậy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT NẮM GIỮ TRÊN 50 % VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng *(đến ngày 6 tháng 10 năm 2016)*

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHDT Tp Đà Nẵng.
Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
Vốn Điều lệ: 15.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 7.866.400.000 đồng, chiếm 52,44 % vốn DL
Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

2. Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900245281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2008.
Trụ sở chính: Km 24, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 27.600.000.000 đồng, chiếm 92% vốn Điều lệ.
Ngành kinh doanh: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sắt, vận tải quá cảnh, vận tải đa phương thức; Đại lý giao nhận vận tải và tiếp vận (logistics); Kinh doanh cảng cạn (ICD), kho bãi container, kho ngoại quan; Môi giới hàng hải, XNK hàng hoá; Kinh doanh Bất động sản.

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT NẮM GIỮ DƯỚI 50 % VỐN ĐIỀU LỆ

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty TNHH Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	09/12/2005	397,974,000	25%
2	Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Viet Nam	Hà Nội	07/07/2008	1,534,595,200	49 %
3	Công ty CP Vận tải Tân Cảng ASACO	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,626,500,000	34 %
4	Công ty TNHH Heung-A Shipping Viet Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,440,000,000	30 %
5	Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Viet Nam	Hồ Chí Minh	29/02/2008	480,000,000	20%
	Tổng số:			**6,479,069,200**	

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACTHT GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn đầu tư dài hạn hoặc đầu tư dài hạn vào 3 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 9,5 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,000,000,000	4,17 %
2	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	4,500,000,000	3 %
	Tổng số:			**9,5 tỷ đ.**	

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
1	Tổng Cty Đầu tư và KD vốn Nhà nước	1.185.000	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	7,9%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	7.653.200	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VFR CHỐT NGÀY 12/4/2016

STT	Tổ chức	Cá nhân	Trong nước	Nước ngoài	Cổ đông lớn (từ 30.000 cổ phiếu trở lên)	Tổng số cổ đông
1	11	600	605	6	10	611

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ			BCTC Hợp nhất		
	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Tổng giá trị TS	549,657,573,891	476,513,428,533	-13.31%	613,996,189,923	502,854,523,836	-18.10%
Doanh thu thuần	261,606,889,391	221,591,042,181	-15.30%	363,335,350,030	263,939,514,677	-27.36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-17,750,611,441	-16,542,383,082	-6.81%	-12,584,525,440	-20,994,737,176	66.83%
Lợi nhuận khác	2,954,130,386	4,317,881,638	46.16%	3,167,231,806	4,306,322,536	35.96%
Lợi nhuận trước thuế	-14,796,481,055	-12,224,501,444	-17.38%	-9,417,293,634	-16,688,414,640	77.21%
Lợi nhuận sau thuế	-14,796,481,055	-12,224,501,444	-17.38%	-10,529,435,111	-17,844,983,821	69.48%
Tỷ lệ LN trả cổ tức						

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	BCTC Công ty mẹ			BCTC Hợp nhất		
	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/ Nợ NH)	0.99	0.78	-21.66%	1.13	0.89	-20.86%
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0.98	0.72	-26.07%	1.12	0.84	-24.96%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)						
+ Hệ số nợ/Tổng TS	0.59	0.55	-6.94%	0.54	0.52	-3.88%
+ Hệ số nợ/ Tổng VCSH	1.42	1.22	-14.25%	1.18	1.08	-8.55%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần) (*)						
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	351.50	58.45		473.00	66.70	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)						
+ Hệ số LNST/DTT	-5.66%	-5.52%		-2.90%	-6.76%	
+ Hệ số LNST/TTS	-2.69%	-2.57%		-1.71%	-3.55%	
+ Hệ số LNT/DTT	-6.79%	-7.47%		-0.35%	-7.95%	

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT

Trụ sở chính: 74 Nguyễn Du, Hà Nội
Điện thoại: 04.38228915
Fax: 04.39423679
Website: www.vietfracht.com.vn

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 35 Minh Khai, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3745529
Fax: 031.3842276

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.38215809
Fax: 08.38216682
Website: www.vietfracht-hcm.com

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH

Địa chỉ: 51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN
Điện thoại: 033.3826697
Fax: 033.3825659

VIETFRACHT HƯNG YÊN

Address: Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 04.38228915 máy le 210
Fax: 04.38263978

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT

Địa chỉ: Tầng 7, 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.51152998
Fax: 08.51152997

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VN

Địa chỉ: Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trứ, Quận1,TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 08.38210806 Fax: 08.38211050
Website: www.heung-a.co.kr

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU-HANSHIN VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà số 9, Phố Đào Duy Anh, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.39413086
Fax: 04.39411359

CÔNG TY CP UNITHAI MARUZEN LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: 101 Đường Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39146849 Fax: 08.39146849

CÔNG TY CP VẬN TẢI TÂN CẢNG ASACO

Địa chỉ: Số 63 Lầu 3A, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39487501 Fax: 08.39487500
Website: www.vietfrachtlog.com.vn

CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.2608107
Fax: 08.35129471
Website: www.saigonnewport.com.vn

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

Address: Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 04.38840905
Fax: 04.38840906
Website: www.noibaicargo.com.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thị Phượng